NĂM THỨ TƯ — Số 129 Thứ năm 10 Février 1944

TRI TÂN

TẠP-CHÍ VĂN-HÓA RA HẰNG TUẦN

Mục lục

* Tuyên ngôn — *Tri-Tân*
* Cảm tưởng và hy vọng — *Kiều-thanh-Quế*
* Sách triết-học (2) — *Nguyễn-văn-Tố*
* Tùy hứng — *Triệu-Hoài — Hồng-Chương*
* Những ông nghè triều Lê (LXXI) — *Ứng-Hòe*
* Đại-Nam dật-sự (XIX) — *Nguyễn-văn-Tố*
* Bàn góp về nguồn-gốc tiếng Việt-nam — *Đào-trọng-Đủ*
* Vũ-như-Tô (kịch lịch-sử, V) — *Nguyễn-huy-Tưởng*
* Một nhà mô-phạm có tiết tháo (1824-1898) — *Tiên-Đàm*
* Đính chính bài : Nhà Thục và nhà Triệu — *Đào-duy-Anh*
* Một thiên tiểu anh-hùng ca — *Hoàng-thiếu-Sơn*
* Cháy cung Chương-Võ (tiểu thuyết, XIV) — *Chu-Thiên*

Tòa báo: 95-97, Chanceaulme, Hanoi

Một năm **18$00** — 6 tháng **9$50** — 3 tháng **5$00** — Mỗi số **0$40**

Tuyên ngôn

NÓI dễ, làm khó : chúng tôi phải thật-tình nhận rằng câu ấy có lẽ đúng với thực tế hơn.

Tri-Tân, trên đường văn-hóa, gánh nặng, đi xa, may nhờ các bạn ủng-hộ, đã bước được một quãng bốn năm dài...

Một tờ báo chú-trọng về sử-học và văn học trong phạm-vi nước nhà, đã nêu rõ một tính cách « chuyên-môn », lẽ tất nhiên không thể tránh được những cái khó-khăn, khắc khổ.

Nhưng, biết làm sao ! Nếu bắt hoa đào phải trắng và hoa mận phải hồng thì còn gì là bản sắc của đào mận nữa ?

Từ trước đến nay, chúng tôi được rất nhiều bạn đọc hoặc đến tận nhà báo hoặc viết thư về niềm nở khen tặng và sốt-sắng khuyến-khích, chúng tôi rất cảm-kích trước những cử-động thân ái ấy, nhưng quyết không khi nào dám nêu những bức thư khen đó ra làm quảng-cáo cho mình.

Dẫu vậy, cũng có một vài bạn khó tính có trách chúng tôi một vài điểm, chẳng hạn : phần khảo-cứu quá nhiều !

Khen ? Chúng tôi xin cám ơn. Trách ? chúng tôi xin xét mình. Bao giờ chúng tôi cũng vui lòng phục thiện.

Có người lại nghiêm-khắc đối với những bài khảo cứu về nhân-vật có quan-hệ với quốc-sử và văn-học, họ cho rằng mục ấy tuy khảo-cứu rất công-phu nhưng không phải là món « thông dụng » cho toàn-thể độc-giả.

Vậy, xin thưa : một mâm cỗ dù thợ nấu khéo tay đến đâu, các món ăn cũng không thể làm vừa miệng cả mọi người : kẻ thích nhạt, người thích đậm, anh ưa thịt, chị ưa cá, em ưa rau...

Tri-Tân bấy lâu vẫn đảm nhận cái việc nhặt lượm tài-liệu. Mà việc làm ấy hình như không phải không có công-hiệu. Chứng-cớ : những tài-liệu ấy thường hân-hạnh được nhiều tác-giả hiện-đại dùng để kêu-cứu hoặc tham khảo trong tác-phẩm của họ rồi.

***

Theo đuổi việc đang làm dở, Tri-Tân sẽ lại đăng tiếp bảng « *Sách dẫn về Đại Nam liệt truyện* » của Lê-Thọ Xuân. Bảng ấy bấy lâu vì trang báo có bạn, tạm phải nhường chỗ, nhưng đáng nên đăng trọn vì nhiều lẽ.

Bộ *Đại Nam liệt-truyện* nguyên văn bằng chữ nho chép nhiều nhân-vật trọng-yếu dưới triều Nguyễn như Nguyễn Du, Phan Thanh-Giản, v.v. Nhưng nay muốn tìm một người trong nguyên thư, bạn tất phải lần kiếm từ đầu đến cuối bộ sách thì mất thì-giờ không phải là ít. Nay tác-giả bảng ấy đã dày công làm giúp chúng ta : xếp đặt theo thứ-tự a, b, c, người nào ở tập nào, tờ nào đều ghi rõ cả. Tác-giả lại nêu rõ tự, hiệu và quê-quán của từng người và chua thêm cả địa danh duyên-cách. Hễ ai có tập văn hoặc tập thơ gì cũng được ghi vào bảng ấy cho ta dễ thấy.

Như vậy sẽ là một tài-liệu quý cho tương-lai, vì chẳng những giúp ích cho ta tiện dùng được bộ *Đại Nam liệt-truyện*, mà lại giới-thiệu cho những ai muốn làm Văn học sử hoặc « phần lịch-sử » trong bộ tự-điển Việt-nam những nhân-vật đáng chú-ý của cận-đại : tự, hiệu là thế, quê quán là thế, tác-phẩm là thế... Ta nay cần phải nhìn xa một chút, chứ không nên chỉ chuyên chú vào cận hiệu một thời.

***

Nếu không có gì ngăn-trở, Tri-Tân sẽ hiến dần bạn đọc một thiên *Văn-học Việt-nam hiện-đại* (1900-1940) mà tác-giả Lê-Thanh đã hứa. Do đó, các bạn sẽ nhận thấy những tư-tưởng biến-thiên, những vết đường tiến-tới và những trào-lưu cùng khuynh-hướng đáng ghi của văn-học ta trong khoảng 40 năm đằng đẵng.

Tri-Tân lại dự định đến khoảng tháng ba tây này sẽ ra **số chuyên-san về thi-ca Việt-nam**, trong đó sẽ có những bài như lịch-trình tiến-hóa của thi ca, thể-tài của thi-ca, những cuộc biến-thiên của thi-ca, ảnh hưởng ngoại-lai (như ảnh-hưởng của thơ tàu và của thơ tây) trong thi-ca ta... Cùng số ấy sẽ không quên trình-bày những áng thơ hay kim cổ...

(*Xem tiếp trang 17*)

Cảm tưởng và hy vọng đối với

SÁCH BIÊN DỊCH Ở XỨ TA

KIỀU-THANH-QUẾ

Phải nhìn nhận ngay không năm nào bằng năm 1943: các sách biên dịch xuất hiện rất nhiều — nhất là về hai loại lịch sử và triết học.

Có người lên mặt « ta đây » vừa độ lượng vừa nghiêm khắc bảo: sách triết học, lịch sử của ta xuất bản trong năm vừa qua tuy có tánh cách phổ thông, nhưng sự truyền bá không có thống hệ trật tự gì cả.

Thử hỏi sự truyền bá cho có thống hệ có dễ thực hành được do một nhà xuất bản hay một tờ báo không?

Công việc ấy mới xem hình như bé nhỏ dung dị, nhưng kỳ thật rất khó khăn — công việc ấy phải cần đến tài sức của một học hội gồm nhiều học giả nhiệt thành và được cấp dưỡng một cách đầy đủ.

Xứ ta hiện đã được bao nhiêu học giả?

Và có học giả nào được cấp dưỡng để khỏi bận khoăn về sinh kế chưa?

Hai câu hỏi ấy tôi tưởng khó trả lời lắm. Và có trả lời được, ta cũng không khỏi rất buồn rất tủi!.

Có một học hội, người ta định sẽ làm một bộ bách khoa, một bộ từ điển, một bộ Việt-Nam văn học sử... Toàn những công trình nghe quá cũng phát khiếp. Nhưng rốt cuộc, người ta chưa làm nên được một công việc nào cả. Người ta than rằng công việc ở bàn giấy mỗi ngày bề bộn lắm, mà không đi làm lại không có cái để ăn! Thấy kẻ này kẻ kia ra sách..., thỉnh thoảng người ta cũng đọc, rồi người ta bĩu môi khinh rẻ: làm thế thà đừng làm còn hơn.

Thà đừng làm còn hơn! Và người ta rất tự cao với sự « thà đừng làm còn hơn ». Nếu có ai hỏi gắt người ta lại bảo: hiện có nhiều tác phẩm đã viết xong tại nhà, nhưng còn đợi nhiều năm sửa chữa, chưa thể cho ra được!

Sửa chữa lâu năm chừng nào càng quí chừng nấy. Nhưng nếu đợi đến một hai trăm năm sửa chữa thì lòng khao khát ham biết của độc giả hiện thời chắc phải tàn rụi dưới nấm mồ!

Người ta sợ mất mặt và phải nói thác như thế là vì người ta có lòng tự ái ghê gớm quá. Chả lẽ người ta học giỏi, đậu bằng cấp cao mà lại không bằng ai ai nhỉ!

Nhưng người ta quên rằng: học giỏi tiếng ngoại-quốc là một việc mà làm việc cho quốc-văn lại là một việc khác.

Hiện tinh-thần sáng tạo của văn sĩ, triết gia Việt-Nam còn ốm yếu lắm. Công việc biên dịch là cần trong lúc cấp bách này!

Tôi có một ông bạn vong niên, tài học rất vững sức quảng bác. Nhưng hơn nửa đời người, ông chưa làm nên được sự nghiệp văn học gì. Có nhiều bạn quá yêu trách thiện ông. Ông cứ thành thật cung khai rằng: « thật ra tôi không thể viết được gì cả; động cầm bút là tôi thấy khó viết làm sao! » Nội cái đức thành thật khả kính ấy, cũng đủ cho ta trọng rồi. Cần gì phải thí ngôn lộng ngữ?

Tôi lại còn một ông bạn nữa. Hễ thấy một cuốn sách nào biên dịch ra đời, ông ta cằn nhằn ngay: « đưa ra làm gì sách ấy; những quyển như sách ấy ở thư viện đã chẳng nhiều lắm rồi sao? »

Nhưng sách ở thư viện có phải viết bằng quốc văn đâu! Và độc giả Việt nam chẳng phải người nào cũng được ăn học như ông bạn tôi để có thể đọc được chữ Tây!

Tóm lại, khi mình đố kỵ nhau thì thế nào mình cũng tìm được đôi lời để « bóng gió » người ấy.

Công việc truyền bá cho có hệ thống, ta nên đặt vào phạm vi của viễn tượng!

Sự chờ đợi những tác phẩm vĩ đại, ta hãy xếp vào địa hạt không tưởng!

Ngay từ bây giờ ta nên tỏ một độ lượng thành thật trước các công việc dẫn giỏi bốn phương vào đô thành văn học Việt nam.

Công việc « dẫn giỏi... » ấy có ba cách: dịch nguyên văn, phỏng dịch và biên dịch.

Dịch nguyên văn, ta có thể thi hành với các tác phẩm của danh sĩ Pháp, Hoa.

(Xem tiếp trang IV)

SÁCH TRIẾT HỌC

(Bài nối)

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Triết-học chia ra làm năm phần : tâm-lý, luân-lý, luận-lý, thẩm mĩ và siêu hình. Phần nào cũng có qui-tắc, có thực-lý và hệ-thống phân-minh.

Tâm-lý là môn-học nghiền-ngẫm suy-xét về bản-thể của lòng người, như cảm-giác, tình-ý, dục-vọng.

Luận-lý hoặc *danh-học* là môn học dùng tư-tưởng để tìm chân lý, như dùng phép suy-lý để tìm *từ sự mình biết đến sự mình chưa biết.*

Luân-lý là chữ trong kinh Lễ, không phải là chữ mới đặt : ta thường gọi tách ra là luân-thường đạo-lý, Tàu gọi tách ra là nhân-luân đạo-đức, tức là gồm cả các phép-tắc của người ta phải theo, bổn-phận của người ta phải làm, như đạo làm con trong gia-đình, đạo làm dân « hết lòng vì nước ».

Thẩm-mĩ là môn-học xét về tính-chất và phép-tắc của sự đẹp, cũng có khi gọi tắt là *mĩ-học*.

Siêu-hình (vượt qua hình) là môn-học nghiên cứu về phần vô-hình, hiện nay gọi là *hình thượng* hoặc *hình nhi-thượng*, do chữ kinh Dịch ; mục-đích là khảo-sét những nguyên-lý của sự-vật, của nhân-sinh và của vũ trụ. Môn-học này rất là cao kỳ mầu-nhiệm. Có lẽ chỉ có môn luân-lý và môn tâm lý là dễ học hơn cả.

Cách đây ba bốn tháng, ông Nguyễn đức Tinh có ra một cuốn sách đề là *Cảm tình và hoạt-động (Tâm lý-học)*, in trong bộ « Triết-học tùng-thư » của nhà Mai-Lĩnh, được 136 trang 12×18. Ở phần thứ nhất là phần nói về cảm-tình, cố cái đầu đề in đi in lại đến ba bốn lượt, như chữ *Thực-hành về giáo-dục* in nghiêng ở giữa trang 40, đến trang 41 lại in lại một lần nữa, rồi đến trang 45-46, cũng in nối nhau trùng nhau như thế : mới giở qua, ai cũng lấy làm lạ.

Lời lẽ thì rõ-ràng vắn-tắt, nhưng cũng có câu còn theo lối lây hoặc lối tàu nhiều quá, như câu « cảm-xúc là cái năng-lực cảm thấy những cảm-động và cảm-tình » (ở trang 10), hay câu « nếu phân-tích cho kỹ, ta sẽ thấy rằng những kỷ-niệm ấy thường là kỷ-niệm của trường-hợp của sự cảm-động » (ở trang 22).

Lại có nhiều chữ sai, tôi nói qua 20 trang trên như sau này. Trang 19, tác-giả gọi ông tổ triết-học nước Pháp là « *Đét*-các » : chính chữ Descartes (1596-1650) phải đọc là *Đê*-các, hoặc Đê-ca-rờ-tờ, chứ không phải *Đét*-các. Cũng trang 19, có câu « Người ta kể chuyện rằng ông Đét-các (Descartes) xưa thích những người lác mắt vì người vợ đầu và thân yêu nhất của ông cũng lác mắt » ! Những câu chuyện vô-lý như thế không nên chép vào sách triết-học.

Trang 10, ông Nguyễn đức Tinh nói : « Có nhiều nguyên-nhân làm cho ta khoái-lạc hoặc thống-khổ. Như lúc ta muốn ăn, được ăn sẽ khoái-lạc, không được ăn tất-nhiên thống-khổ ». Dù tác-giả dùng nghĩa rộng chăng nữa, cũng không đúng, vì chỉ lúc *đói* mà không được ăn mới thấy khổ : cũng có khi không đói mà muốn ăn ; vậy nên chữa lại cho đúng.

Trang 15, có câu này cũng không đúng : « Nhà triệu-phú được cái số *một tram đồng thấy như thường*, nhưng một người *đương gần chết đói* (?), nếu được số ấy, sẽ mừng không tả xiết » ! Đã « gần chết đói » thì mừng sao được, và đặt chữ « đương » thì thừa.

Lại trang 21, có câu : « Giàu-có phải chăng là một điều sung-sướng ? Nghèo đói phải chăng là một điều cực-khổ ? Hình như luật thông-thường là như thế... ». Sao tác-giả lại gọi là « *luật* thông-thường » ?

Sách tây sách tàu đều nói người sung sướng là người quân-tử, tức là người biết chân-tướng sự đời, không quá mong, chăm-chút mà không bối rối, hi-vọng mà không tham-vọng, kiên-cố trong những sự mưu làm, việc gì có thể làm được thì làm cho chu-tất, còn việc gì không có thể sao được thì cứ để cho người đời ăn nói, không phải là không biết có nhiều cái khổ mà mình không ngăn được, thực là biết thương yêu người đồng-loại, nhưng chỉ cố cho mình không phải điều gì hối-hận, rồi cơ giới xoay-vần thế nào mặc lòng ! Giả-thử người nào cũng tự-xử như thế thì tất là nhân-loại được sung-sướng hơn là người nào cũng cứ một lòng tham-lam tranh-cạnh. Một nhà triết-học Hi-lạp nói : « Hạnh-phúc là của những kẻ biết tự đủ lấy mình »

Câu ấy mà hiểu rõ, thì gồm cả tính-cách sự hạnh-phúc, từ sức khỏe, giàu-có, tự-do, là phần hình-thức, cho đến lòng vô kỷ, tính cao-thượng là phần tinh-thần. Chỉ thêm lòng kiêm-ái nữa là đủ : người sung-sướng là người biết tự đủ lấy mình, mà lại hết sức giúp cho kẻ khác...

Đó là lời nhà triết-học. Còn nhà làm văn, nhà thuyết giáo nói ra làm sao ? Dưới đây tôi dịch một đoạn thuyết giáo của ông Massillon (1663-1742) để độc-giả so với cái triết-lý của ta và của tàu. Ông Sainte-Beuve (1804-1869) là một nhà phê-bình có tiếng nói : « bài này văn thanh-nhã, nghĩa êm-ái, nghe ra không biết là nhời Massillon, Bernardin de Saint-Pierre, hay Chateaubriand ? » Thực ra thì về đời vua Louis XIV (1643-1715) văn-chương nước Pháp ít những giọng êm-ái dịu-dàng thế, hình như văng-vẳng xa đem tư-tưởng mới. Dịch ra, tất-nhiên kém hay, nên cốt dịch lấy xuôi lấy đúng như sau này : « Chỉ có một điều tự ta làm được, là làm cho những sự đau-đớn của ta được xứng-đáng ; nhưng đến cái khổ hay không khổ thì không tự ta được chọn. Giời đã san-sẻ cái khổ với cái sướng ở đời này rất công-bình, mà phận ai tuy bề ngoài sung-sướng đến đâu, cũng phải sự khổ-sở cay đắng cho bao giờ cũng cân với sự vui-thú. Trên mặt đất này không ai được toàn phúc cả, vì đây không phải là nơi sung sướng đâu, chính là nơi khổ-sở đấy. Người cao-trọng thì phải khuất-lụy lo-lắng, kẻ hèn-hạ thì phải thừa-phụng khinh-nhục, trường cạnh tranh thì lắm sự tư-lự thất thường, chốn lầm toàn nhiều điều buồn-rầu han-nản ; vợ chồng ở với nhau thì có điều sung-khắc tức-giận ; bạn-bè ở với nhau thì lừa-lọc điền đảo ; đến sự tín-mộ cũng có điều có chán ; chẳng qua là bởi số người ta không ai tránh được ! đường thế-đồ đầy những gai-góc. Dẫu phận nào xem bề ngoài sung-sướng nhất, bề trong cũng có nhiều sự khổ ngầm nó làm uổng mất cả cái sướng đi : lâu-đài đẹp-đẽ cũng là chỗ chứa nhiều sự lo-phiền đau-đớn như lều người nghèo khổ, kẻ làm ruộng ; mà sợ rằng ta phải đầy-đọa dưới cõi trần này lại lấy làm vui-thích quả chăng, cho nên bao giờ cũng hình như thiếu một điều gì mới được sung-sướng... » (1)

(Còn nữa)

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

(1) Nguyên-văn chữ Pháp như sau : « La seule chose qui dépende de nous, c'est de rendre nos souffrances méritoires ; mais souffrir ou ne pas souffrir n'est point laissé à notre choix. La Providence a dispensé avec tant de sagesse les biens et les maux de cette vie que chacun dans son état, quelque heureuse qu'en paraisse la destinée trouve des croix et des amertumes qui en balancent toujours les plaisirs. Il n'est point de parfait bonheur sur la terre, parce que ce n'est point ici le temps des consolations, mais le temps des peines. L'élévation a ses assujettissements et ses inquiétudes ; l'obscurité ses humiliations et ses mépris ; le monde, ses soucis et ses caprices ; la retraite, ses tristesses et ses ennuis ; le mariage, ses antipathies et ses fureurs ; l'amitié, ses pertes et ses perfidies ; la piété elle même, ses répugnances et ses dégoûts. enfin, par une destinée inévitable aux enfants d'Adam, chacun trouve ses propres voies semées de ronces et d'épines. La condition la plus heureuse en apparence a ses amertumes secrètes qui en corrompent toute la félicité : les palais superbes cachent des soucis cruels comme le toit du pauvre et du laboureur ; et, de peur que notre exil ne nous devienne trop aimable, nous y sentons toujours par mille endroits qu'il manque quelque chose à notre bonheur... » *(Sermon sur les afflictions).*

Tùy hứng

Xuân về

Xuân về với hạt mưa bay,
Với trời xuân lạng, với nắng xuân tươi,
Với bông hồng chúm chím cười,
Với hoa mai đượm sương rơi trên cành;
Xuân về với bức thảm xanh,
Với hoa xuân thắm, với tình tươi ngây.

TRIỆU-HOÀI
(Xuân Giáp-Thân)

***

Câu đối Tết về năm Thân, theo thời sự

Tết đến thêm lo, giàu có ngồi run ôm của khỉ,
Xuân sang càng sợ, nghèo nàn nằm khểnh, rụi râu dê

HỒNG CHƯƠNG

BIA VĂN-MIẾU

NHỮNG ÔNG NGHÈ TRIỀU LÊ

Số 71

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

7. — **Trần-Năng**, người làng Quan-sơn (Đông-khê), huyện Thanh-lâm, phủ Nam-sách, tỉnh Hải-dương Đỗ nhị giáp khoa quí-sửu 1493, năm 49 tuổi. Làm quan đến Lại-bộ tả-thị-lang (*Đăng khoa lục*, quyển 1, to 41 b). « Hồi tháng 11 năm kỉ tị 1509, Giản-tu-công (sau là Lê tương dực-đế, 1509-1516) đem quân thủy quân bộ ở các doanh tiến vào kinh-thành. Quân thủy mới đến Thiên-kiện. Vua Lê Uy-mục (1504-1509) sai đem hai chiếc thuyền nhẹ và nhanh, tên là *Hà-thanh* và *Hải-thanh* chặn đường ở Thiên-kiện, bắt được một tướng quân thủy và chém được 20 đầu quân, đem về ngoài cửa Đông-hoa. Lại sai Đông-nham-bá Lê-Vũ làm tán lí, Ngự-sử-đài đô-ngự-sử Dương trực-Nguyên làm kí-lục, hữu-thị-lang là Phạm-Thịnh và Trần-Năng đem cấm-binh và quân các vệ Thần-vũ, Hiệu-lực và Điện-tiền, để chống-cự nhưng không được. Lúc bấy giờ sinh mẫu của Giản-tu-công là Trịnh-thị, anh là Cẩm-giang-vương Sùng, em là Tĩnh-lương-công Huỳnh và Quyền đều ở Đông-kinh: Uy-mục-đế sai giết hết. Nhưng Giản-tu-công hãy còn đem lá cờ chiêu-an để là Cẩm-giang-vương để dụ bọn Lê Vũ. Bọn Lê-Vũ mới cầm đầu Cẩm-giang-vương giơ lên cho xem, và bảo rằng: « Nói dối làm gì thế? » Rồi bọn Lê-Vũ tiến đánh nhưng bị tử trận. Dương-trực-Nguyên, Phạm-Thịnh và Trần-Năng cũng mất ở Châu-cầu, thuộc huyện Kim-bảng, tỉnh Hà-nội, nay thuộc Hà-nam » (dịch trong *Khâm-định Việt-sử*, quyển 25 tờ 34 a-b). Sau Trần Nang được truy phong Lễ bộ thượng-thư. Ông là em ông Trần sùng-Dĩnh đỗ trạng-nguyên năm 1487, là ông nội ông Trần Bảo đỗ tam giáp năm 1541, là tổ-tổ ông Trần-xuân-Bảng đỗ nhị giáp năm 1661: đời đời đỗ đại-khoa và thế tộc (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 60 a).

8. — **Kiều-Phúc**, người làng Đông-sàng, huyện Phúc-lộc, phủ Quảng-oai, tỉnh Sơn-tây, Nam 42 tuổi đỗ nhị giáp khoa quí-sửu 1493. Làm quan đến hiệu-thư (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn-tây, tờ 66 b).

9. — **Vũ-Tụ**, người làng Hoạch-trạch, huyện Đường-an, phủ Thượng hồng, tỉnh Hải-dương. Nam 28 tuổi đỗ nhị giáp khoa quí-sửu 1493. Làm quan đến Hình-bộ tả-thị lang) *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 42 a.) *Đăng khoa bị khảo* (quyển Hải-dương, tờ 13 b) chép là hữu-thị lang và có một đoạn rằng: « Lúc làm quan, không nhận của lo-lót, có tiếng là thanh-liêm tiết-tháo; vua rất khen, đặc ân cho hai chữ « liêm tiết » dán vào vạt áo khi vào trầu: người bấy giờ đều khen là vinh-hiển ».

10. — **Ngô-thái-Đoan**, người làng Khang-kiện, huyện Sơn-minh, phủ Ứng-thiên, trấn Sơn-nam. Năm 46 tuổi đỗ nhị-giáp khoa quí-sửu 1493 Có sức khỏe, giỏi đánh vật. Làm quan đến tự-khanh, kiêm đô-chỉ-huy-sứ trực Điện Kim-quang (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn-nam, tờ 57 a-b).

11. — **Nguyễn-ngọc-Huấn**, người làng Tiên-tảo, huyện Nghi-xuân, phủ Đức-quang, tỉnh Nghệ-an. Năm 48 tuổi đỗ nhị giáp khoa quí-sửu 1493. Làm quan đến tham-chánh (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Nghệ-an, tờ 11 a-b).

12 — **Đinh-Thúy**, người làng Hoài-diệu, huyện Hoài-ân, phủ Ứng-thiên, trấn Sơn-nam. Nam 47 tuổi đỗ nhị giáp khoa quí-sửu 1493 (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 42 a; *Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn-nam, tờ 59 a-b).

13. — **Phạm-Tiến**, người làng Lại-ốc, huyện Tế-giang (Văn-giang), phủ Thuận-an, trấn Kinh-bắc. Năm 48 tuổi đỗ nhị giáp khoa quí-sửu 1493. Làm quan đến Hàn-lâm thừa-chỉ (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Kinh-bắc, tờ 95 b).

14. — **Phạm-Di**, người làng Đồng-bầm, huyện Đồng-hỉ, phủ Phú-bình tỉnh Thái-nguyên. Năm 44 tuổi đỗ nhị giáp khoa quí-sửu 1493. Làm quan đến phủ-doãn Phụng-thiên (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Thái-nguyên, tờ 98 b),

15. — **Vũ-Đạt**, người làng Vĩnh-bảo, huyện Tế-giang (Văn-giang), phủ Thuận-an, trấn Kinh-bắc. Đỗ nhị giáp khoa quí-sửu

1493. Làm quan đến đô ngự-sử, tước hầu (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Kinh-bắc, tờ 95 b).

16. — **Đỗ-cảnh-Lược**, người làng Cẩm-sơn, huyện Cẩm-giàng, phủ Thượng hồng, tỉnh Hải-dương. Năm 43 tuổi đỗ nhị giáp khoa quí-sửu 1493. Làm quan đến thượng-thư, tước Cẩm-quận-công (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 30 a).

17. — **Bùi-thúc-Độ**, người làng Cát-bì, huyện Thượng-phúc, phủ Thường-tín, trấn Sơn-nam. Năm 29 tuổi đỗ nhị giáp khoa quí-sửu 1493. Làm quan đến hiến-sát-sứ (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 42 b).

18. — **Nguyễn-trạch-Dân**, người làng Hội-xuyên, huyện Trường-tân (Gia-lộc), phủ Hạ-hồng, tỉnh Hải-dương. Đỗ nhị giáp khoa quí-sửu 1493. Làm quan đến thượng-thư, kiêm Đông-các đại-học-sĩ (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 37 a).

19. — **Ngô-kính-Tiần**, người làng Xuân-hì, huyện Kim-hoa, phủ Bắc-hà, trấn Kinh-bắc. Đỗ nhị giáp khoa quí-sửu 1493. Làm quan đến phó-đô ngự-sử, tước tử (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Kinh-bắc tờ 70 a).

20. — **Nguyễn-Ưng**, người làng Đại-đồng, huyện Siêu-loại, phủ Thuận-an, trấn Kinh-bắc. Đỗ nhị giáp khoa quí-sửu 1493. Làm quan đến thượng-thư (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 42 b). *Đăng khoa bị khảo* (quyển Kinh bắc, tờ 103 b) chép làm đến hữu-thị-lang.

21. — **Nguyễn-đạo-Hưng**, người làng Khánh-hiệp, huyện Đan-phượng, phủ Quốc-oai, tỉnh Sơn-tây. Năm 29 tuổi đỗ nhị giáp khoa quí-sửu 1493. Làm quan đến tham chính (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn-tây, tờ 29 b).

22. — **Nguyễn-Hoản**, người làng Nhân-lý, huyện Thanh-lâm, phủ Nam-sách, tỉnh Hải-dương. Có chỗ chép họ Chu. Đỗ nhị giáp khoa quí-sửu 1493. Tuyển vào Đông-các, dự 28 ngôi sao trong Tao-đàn. Làm quan đến Hàn lâm viện hiệu-lí (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 42 b). Có bảy bài thơ cận-thể còn chép trong bộ *Toàn-Việt thi lục* của ông Lê-quí-Đôn (quyển 15, tờ 41 b-42 b). Nghĩa những đầu bài ấy như sau: 1, Trăm giống thóc được mùa; 2, Tiết làm tôi; 3, Pháp-cung làm xong, cảm hứng thành thơ; 4, Khí lạ; 5, Làm đùa sau khi thảo xong bộ sách; 6, Người văn-nhân; 7, Hoa mai. Bảy bài đều họa vần vua Lê Thánh-Tông (1460-1497).

23 — **Nguyễn-Huyên**, em Nguyễn-Hoản vừa chép trên, cũng đỗ kỳ thi hội năm 1493. Vì việc vua cho ăn yến, Nguyễn-Huyên bất kính, không được đình-thí, bị truất xuống huấn-đạo (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 42 b). Về việc này, *Đăng khoa bị khảo* (quyển Hải-dương, tờ 60 b) chép như sau: « Nguyễn-Huyên (sử chép họ Chu) thi hội đã đỗ, vua cho ăn yến: trong tiệc có vị tôm đất (thổ-bà) cho là giai-phẩm Nguyễn Huyên không ăn được vị ấy, nên không dùng đũa: vua cho thế là bất kính; truất không cho đỗ, bổ làm nho-học huấn-đạo phủ Thao giang ».

(*Còn nữa*)

Ứng hòe NGUYỄN VĂN TỐ

SÁCH GIÁ TRỊ

Siêu Hình Học
của Ng. đình Thi — *Giá 5$00*

Phật Giáo Triết Học
của Phan văn Hùm (in lần thứ hai) — *Giá 3$50*

Học Thuyết Freud
của Tô kiều Phương — *2.50*

Triết Học Einstein
của Ng. đình Thi — *2.30*

Thi Hào Tagore
của Ng. văn Hai — *4.80*

Triết Lý về Vũ-Trụ và Nhân-Sinh
của Phan Mật — *2.30*

Vàng Sao
của Chế lan Viên — *2 50*

Triết Học Descartes
của Ng. đình Thi — *4.50*

NHÀ XUẤT BẢN TÂN-VIỆT
29, Lamblot — Hanoi

Đã có bán về dịp Tết:

NỬA ĐÊM
Truyện thôn quê
của Nam Cao giá 2$00
Nam Cao là một nhà văn chuyên tả phong tục Thôn quê Việt Nam, với một ngòi bút đanh thép. Nếu các bạn muốn hiểu người dân quê Việt Nam một cách sâu-sắc, nếu các bạn muốn có những kiến thức rất thực về thôn quê Việt Nam; nói tóm lại, nếu các bạn muốn hiểu đồng bào một cách chu-đáo, các bạn đều nên có cuốn **Nửa đêm** *của* **Nam Cao.**

VUI XUÂN
Tức Hoa Mai số Tết
của Ngô Hòa giá 0$30

Phách bướm hồn hoa
Tức Hoa Mai số Mùa Xuân
của Thế-Hưng giá 0$30
Nhà xuất bản Cộng Lực
N° 9 Rue Takou — Hanoi

ĐẠI-NAM DẬT-SỰ

Số 19

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

XIII. — Đời Tiền-Lý có quan Tàu sang cai-trị nước Nam không ?

Sử ta chép đời Tiền Lý, được hơn 60 năm, từ năm 541 đến năm 602. Sử Tàu thì không chép rõ, nhưng cũng có chép đến tên ông Lý-Bôn (tức ông vua thứ nhất đời Tiền Lý, 541 548), Lý Thiên-Bảo (549 555), Lý Thiệu Long (xem *Trần thư*, quyển 1, tờ 1 b-2 a; sử ta không chép Lý Thiệu-Long), và Lý Phật-Tử (571-602, xem *Tùy thư*, quyển 56, tờ 3 a). Còn tên vua Triệu Việt-vương (tức Triệu Quang-Phục, 549-571), thì chỉ thấy sử Tàu chép «Lý Phật-Tử... giữ thành cũ của Việt-vương» (*Tùy thư*, quyển 53, tờ 4 b; *Việt kiều thư* quyển 3, tờ 32 a): cứ câu ấy cũng đủ rõ là trước Lý Phật-Tử, sau Lý-Bôn, có một người Nam cũng xưng làm vua nước Nam, gọi là Việt-vương.

Giáo-sư Henri Maspero khảo-cứu về đời Tiền-Lý (*Etudes d'histoire d'Annam*, I, *La dynastie des Li antérieurs (543-602)* trong *Bulletin de l'Ecole française d'Extrême-Orient*, quyển XVI, năm 1916, số 1, trang 1-26) không nói chi đến Việt-vương, tuy chữ «Việt-vương» là chữ của sử Tàu (*Tùy-thư*, quyển 53, tờ 4 b, chép: Lý Phật-Tử tác loạn, cứ Việt-vương cố thành), — lại cho «Triệu Việt-vương» của sử ta là bịa đặt, — rồi góp nhặt đến 20 tên quan Tàu, cho là có sang làm quan nước Nam từ năm 547 đến năm 602, tức là trùng với đời Tiền-Lý, — nên mới kết rằng không có đời Tiền-Lý, chỉ có ba hồi loạn, — vì không có lẽ cùng trong khoảng bấy nhiêu năm, mà lại vừa có quan Tàu cai-trị, vừa có cả vua ta tự-trị nữa.

Giáo sư có ý tin sử Tàu hơn sử ta, nhưng lại bỏ chữ «Việt vương» của sử Tàu, không nói đến hoặc không xét tới, nên tôi phải lấy sử Tàu ra xét lại, xem những quan Tàu mà giáo-sư chép đó, có thật sang cai-trị nước ta không, hay là chỉ có tên có chức trong sử Tàu, còn thực ra thì không bước chân sang đến nước ta bao giờ, vì đồng-thời với nhà Tiền-Lý, nước Tàu lục-đục lắm: nhà Lương, nhà Trần, nhà Tùy tranh lẫn nhau, nên thường gọi là «Nam Bắc triều».

Những quan Tàu của giáo sư Maspero chép theo sử Tàu là những quan sau này:

1. — Viên-đàm-Noãn làm thứ-sử Giao-châu, từ năm nào, không thấy chép rõ, chỉ thấy chép trong truyện Âu-dương-Ôi như thế này: «Trước kia thứ-sử Giao-châu là Viên-đàm-Noãn ngầm đem 500 lạng vàng gửi cho Ôi, nhờ đưa cho thái-thú Hợp-phố 100 lạng, đưa cho con 400 lạng, người ngoài không ai biết. Sau Ôi bị Tiêu-Bột phá hết tài-sản, chỉ có số vàng gửi thì hãy còn. Đàm-Noãn cũng chết, thế mà Ôi cứ y lời gửi giả: người bấy giờ đều khen Ôi...» (*Trần-thư*, quyển 9, tờ 3 b). Dù có dựa vào truyện Ôi (sẽ trích dịch dưới này) mà bảo rằng Viên-đàm-Noãn làm thứ-sử Giao-châu sau khi Trần-bá-Tiên về Tàu, thì cũng không có sách nào chép rằng Noãn có sang Giao-châu cai-trị đến năm 555.

2. — Năm 550, nhà Lương cho Trần-bá-Tiên làm thứ-sử châu Giao, sang năm sau (551) bên Tàu có loạn Hầu-Cảnh, với Bá-Tiên về, nhà Lương cho Hoàng-pháp-Cu sang thay. Sử ta chép rằng cuối đời nhà Lương (550 556) chỉ có hai người sang làm thứ-sử châu Giao là Hoàng-pháp-Cu và Lý-cảnh Thịnh (*Đại-Việt sử-ký*, quyển 5, tờ 7 a); nhưng sử Tàu (*Nam-sử*, quyển 66, tờ 8 a) chỉ chép «Nguyên-đế nhà Lương cho Pháp-Cu ăn bổng thứ-sử Giao-châu, lĩnh chức huyện-lệnh Tân-kim» (chữ Hán là: thụ Giao-châu thứ-sử *lư*, lĩnh Tân-kim huyện-lệnh): như thế là Hoàng-pháp-Cu chỉ làm chức huyện-lệnh ở Tân-kim, *ăn lương* thứ-sử Giao-châu, nhưng không sang làm thứ-sử Giao-châu bao giờ. Sử-thần nước ta chép cũng nhầm. Còn Lý-cảnh Thịnh thì không thấy chép trong sử Tàu, chỉ thấy *Trần-thư* (quyển 9, tờ 3 b) chép Âu-dương-Thịnh làm thứ-sử châu-Giao, mà cũng không chắc có sang đến châu Giao không, vì sách Tàu chép năm 555 thứ-sử châu-Giao là Lưu-nguyên-Yển đem vài nghìn thuộc-hạ về với Vương-Lâm (*Việt-kiều thư*, quyển 3, tờ 31 b; *Tư trị thông giám*, quyển 166, tờ 8 a). Dưới Lưu-nguyên-Yển, *Việt-kiều thư* lại chép Vương-Dịch làm thứ-sử châu Giao. Tên Vương-Dịch này, ông Maspero không chép. Tính ra từ năm Trần-bá-Tiên về

Tàu (551) đến năm Trần-bá-Tiên làm vua (557) có sáu năm giời, mà góp nhặt các sách đến bốn nam người làm thứ sử châu Giao: chỉ những đi về cũng đã hết ngày, còn thì-giờ đâu mà dẹp loạn yên dân? Vậy không lấy gì làm chắc là có quan Tàu sang ta: phần nhiều có cái chức thứ sử Giao-châu mà không bước chân sang Giao-châu bao giờ.

3. — Đến Âu-dương Ôi thì sử Tàu chép rằng: « Ôi đang làm quan với nhà Lương, đánh nhau với Trần-bá-Tiên, bị tướng của Trần bá Tiên bắt được, đưa đến Bá-Tiên, thì Bá Tiên tha, lại tiếp-đãi rất hậu, Tiêu-Bột là thứ sử châu Quảng, chết, Lĩnh nam rối loạn: vì Ôi có tiếng ở đất Nam và có quen Bá-Tiên, nên được chức An-nam tướng-quân, Hành-châu thứ-sử. Chưa đến Lĩnh-nam thì con Ôi là Hột đã dẹp được huyện Thủy-hưng. Khi Ôi đến, thì dân Lĩnh-nam đều sợ phục. Rồi đi đến Quảng-châu, oai khắp đất Việt, Bá-Tiên thang cho Ôi làm đô-đốc Quảng-Giao 19 châu, coi các việc quân, lĩnh thứ-sử châu Quảng... » (*Trần-thư*, quyển 9, tờ 3 b; *Nam-sử*, quyển 66, tờ 7 b). Lại chép rằng: « Lúc bấy giờ em Ôi là Thịnh làm thứ-sử châu Giao, em thứ nữa là Thúy làm thứ-sử châu Hành: cả nhà quí- hiển, nổi tiếng đất Nam ». Mười chín châu là những châu này: Quảng, Giao, Việt, Thành, Định, Minh, Tân, Cao, Hợp, La, Ai, Kiến, Đức, Nghi, Hoàng, Lợi, An, Thạch, Song, Thế là cả châu Giao châu Quảng cũng ở trong ấy. Nước ta lúc bấy giờ có lẽ chỉ vào địa phận châu Giao. Vậy thì không thể kể Ôi sang làm quan nước ta được, vì chức thì gồm cả 19 châu, mà chỗ làm quan lại ở châu Quảng: nếu vin vào chữ « Lĩnh nam » hay chữ « Nam-thổ » mà bảo là sang làm quan nước Nam thì lấy gì làm chắc?

4. — Âu dương Ôi làm đô-đốc 19 châu vào khoảng năm 557-563. Con là Âu-dương Hột làm thứ-sử châu Hành, được nối chức của cha làm đô-đốc Giao-Quảng 19 châu, cũng lĩnh chức thứ-sử châu Quảng, Đến năm 569, « vua Trần Cao-tông (bên Tàu) thấy Hột ở lâu đất Nam, đem lòng ngờ vực, ban chiếu đòi về triều. Hột sợ, chưa muốn về, thì bộ hạ phần nhiều sui làm phản: Hột mới cất quân đánh thứ-sử châu Hành là Tiền-đạo-Trấp, Đạo-Trấp báo tin về triều, vua tàu sai Chiêu Đạt sang đánh. Hột thua bị bắt, đưa về kinh đô, phải tội chết », (*Trần-thư*, quyển 9, tờ 3 b; *Nam-sử*, quyển 66, tờ 7 b.-8 a). Cứ như thế, thì Hột cũng không bước chân đến đất ta bao giờ; có tiếng là đô-đốc cả châu Giao, mà thực ra chỉ ở châu Quảng. Lại có một điều đáng ngờ nữa là năm 563 mới nhận chức, đến năm 569 đã bị đòi: thế mà sử Tàu chép là « hơn mười năm, oai rõ Bách-việt », thì có phải là chép khoe khoang không?

5. — Sử Tàu lại chép: « Sau khi vua Trần đã dẹp được Âu-dương-Hột (569), những bọn di-lão ở Giao-chỉ thường thường tụ họp để cướp bóc, Nguyễn-Trác phụng mệnh đi sứ để chiêu-dụ Giao-chỉ » (*Trần-thư*, quyển 34, tờ 8 a; *Việt kiều thư*, quyển 5, tờ 31 b). Như thế là chỉ đến chiêu-dụ, tức như ta bây giờ gọi là hiểu thị, chứ không phải nhận chức làm quan ở Giao-chỉ. Vả lại Nguyễn-Trác là người huyện Trần-lưu: thế mà ông Henri Maspero (*La dynastie des Li antérieurs* trang 22), lại cho Trần-lưu là tên người đi dẹp loạn Giao-chỉ Chính tự-vị Tàu, như bộ *Từ-nguyên* (quyển tuất, trang 122) đã chua nghĩa: « Trần-lưu là tên huyện, đời Tần đặt ra, đời Minh đời Thanh đều thuộc phủ Khai-phong, tỉnh Hà nam (bên Tàu), nay thuộc đạo Khai-Phong ».

6. — Ông Henri Maspero theo *Trần thư* (quyển 35, tờ 6 a) chép Đới Hoằng làm thứ sử châu Minh, nhưng không nói rõ sách nào chép châu Minh là đất nước ta về đời Tiền-Lý.

7. — Phương-Thải, tập tước Nam khang tự vương, năm 572 được làm đô-đốc Quảng Giao 19 châu, lĩnh chức thứ sử châu Quảng nhưng chính-sự tàn bạo: hưu-ty tâu vua, bị cách (*Trần thư*, quyển 14, tờ 2 b; *Nam-sử*, quyển 65, tờ 2 b). Tuy làm đô đốc cả 19 châu mà làm việc ở châu Quảng, thì sao lại gọi là cai trị nước Nam

8. — Năm 576, Tiêu quân Cao làm đô đốc Giao Quảng 19 châu « Bọn mọi rợ ở Lĩnh nam đời đời đánh nhau: Tiêu quân Cao vốn là quan văn, không có tài võ, thế mà đem lời vỗ-về, rất được lòng dân » (*Trần thư*, quyển 23, tờ 1 b); nhưng cũng lĩnh chức thứ sử châu Quảng, chứ có sang làm quan nước ta đâu!

9. — Đến Dương-Tấn và Dương-hưu-Phố, thì *An-nam chí lược* (quyển 7) và *Việt-kiều thư* (bản sao của Bác-cổ, số 1731, quyển 3, tờ 32 a) chép như sau này: « Dương-Tấn làm đô-đốc châu Giao và châu Ái; khi Tấn mất, Dương-hưu-Phố thay », nhưng không rõ làm từ năm nào, phủ-trị ở đâu. Không thể vin vào chữ đô-đốc Giao-Ái mà bảo là có sang cai-trị nước ta hồi Tiền-Lý.

(*Xem tiếp trang 16*)

BÀN GÓP VỀ NGUỒN-GỐC TIẾNG VIỆT-NAM

ĐÀO TRỌNG ĐỦ

I—Nho-hóa và dân-hóa

Các tiếng ngoại quốc, nhập-tịch vào Việt ngữ, đều có thể biến-cải theo hai cách: Nho-hóa (formation savante) và dân-hóa (formation populaire). Nho hóa là những tiếng do các nhà học-thức mượn trong sách ngoại-quốc rồi đọc ra giọng Việt-nam : Ví dụ chữ sen (scène) chữ trường hợp(cas) và hết thảy những chữ dịch âm như trong cuốn Danh-từ khoa-học của giáo-sư Hoàng-xuân-Hãn. Dân-hóa là những tiếng do người thường dân, nghe người khác nói tiếng ngoại-quốc rồi bắt-chước nói theo: Ví-dụ những tiếng kem (crème) sì-đạt (cirage), rượu vang (vin) hào vản (vingt)... Nói riêng về những tiếng ta mượn của người tàu thì nho-hóa tức là chữ nho, dân-hóa tức là một phần trong tiếng nôm. Ví dụ chữ *nản* Bắc-kinh thành ra hai tiếng Việt-nam: chữ *nam* (trong phương nam) là nho hóa và tiếng *nồm* (trong gió nồm) là dân-hóa. Thường thường một tiếng tàu có thể thành ra hai ba tiếng Việt một tiếng nho hóa và một hay hai tiếng dân-hóa, Những tiếng này tôi sẽ gọi là tiếng sinh-đôi (doublets). Ví dụ :

Chữ *sì* quảng-đông thành ra : thời (nho), thì (nho), giờ (dân), thỉnh (dân)

Chữ *hỉ* quảng-đông thành ra : khởi (nho), dấy (dân), dậy (—), gây (—), gợi (—), rồi (—)

Chữ *sâm* quảng-đông thành ra : tầm (nho), tìm (dân), xuềnh (—), xỉnh (—)

Chữ *sâu* quảng-đông thành ra : tố (nho), toát (dân)

Chữ *hsien* Bắc-kinh thành ra : hiện (nho), sẵn (dân)

***

Bảng dưới đây sẽ bàn về những chỗ nho-hóa và dân-hóa khác nhau thế nào.

Nho-hóa

1·) Những tiếng nho-hóa mượn ngay chữ Tàu, sự khảo-cứu nguồn gốc không cần. Xem Việt-Nam tự-điển của Hội Khai-trí cũng đủ biết chữ nào là chữ nho, chữ nào là tiếng nôm. Theo ông Nguyễn-văn-Tố đã chịu khó đếm cả hai hạng chữ, thì tiếng Việt-nam có 3.443 hán-tự và 9 833 tiếng nôm. (Tự-điển Khai-trí còn sót nhiều chữ, ta có thể tính 10. 000 tiếng nôm và 3 500 chữ nho cho gọn).

2·) Những tiếng nho-hóa, thường đổi âm, đổi giọng theo một vài lệ nhất định. Ví-dụ vần T quảng-đông thành ra vần Đ Việt-nam, như chữ *tài* thành ra chữ *đại*, chữ *ti* thành ra chữ *địa*. Vần *oong* quảng-đông thành ra vần *ang* vần *ương* quốc-ngữ, như chữ *thoòng* thành ra chữ *đường*, chữ *loòng*

Dân-hóa

1·) Những tiếng dân-hóa phần nhiều cần phải khảo-cứu và có những chứng-cớ chắc-chắn mới biết được nguồn-gốc. Những tiếng nào hơi lơ-lớ chữ nho, thì không khó gì. Ví-dụ : *nguồn* ở chữ *nguyên* *nguyền* ở chữ *nguyện*, *biếc* ở chữ *bích*, *bệch* ở chữ *bạch*. . . Nhưng có khi âm-giọng đổi đi một cách không ngờ, như chữ *vi* (chu-vi) thành ra chữ *quanh*, chữ *hiện* (hiện thời) thành ra chữ *sẵn*.

2·) Cách dân-hóa thì khác hẳn vì không theo một lệ-luật nào nhất-định. Những tiếng ngoại-quốc nhập-tịch vào Việt-ngữ, theo cách dân-hóa, âm-giọng đổi đi mỗi khi một khác. Không trường-hợp nào là giống nhau. Ví-dụ một âm *đam* chữ nho, chữ thì biến ra *đầm*, chữ thì biến ra *đờm*. Cùng một âm

thành ra chữ *lãng* vân vân. . . Có một vài lệ-ngoại nhưng rất ít. Hoặc vì ta đọc nhầm, như chữ *ảo* 幻 đáng lẽ phải đọc là hoạn, hoặc vì ta muốn tránh những âm không được thanh và có thể nhầm với tiếng nôm, như chữ 起 đọc là *khởi*, không đọc là *khỉ*, chữ 界 đọc là *giới*, không đọc là *giải*, chữ 地 đọc là *địa*, không đọc là *dị*. Cũng có khi vì đọc liều như câu chuyện « *ai giồng cây bất bể đông* ».

3·) Nho-hóa bao giờ cũng trực-tiếp, vì chữ nho ta mượn ngay ở sách Tàu.

4·) Một chữ hán chỉ nho-hoá ra được một tiếng Việt-nam. Có khi một chữ hán có thể đọc được hai cách, như chữ *ốn* quảng-đông, theo giọng Việt-nam thành ra *an* hoặc *yên*. Nhưng không phải là hai chữ vì nghĩa vẫn giống nhau: ta thường nói Yên bái và Kiến-an, ít người nói Kiến yên, nhưng dù *Yên* hay *an* nghĩa vẫn là yên-ổn.

vanh tiếng Pháp, chữ thì thành ra rượu *vang*, chữ lại thành ra bào *ván*. Lại ví dụ như chữ N quảng-đông, khi nho-hóa ra tiếng Việt-nam thì N vẫn là N hoặc đổi ra Đ (*nỉu* thành ra *điều*) nhưng không khi nào đổi ra Gi quốc-ngữ, như theo cách dân-hóa. Ví-dụ chữ *t*, *sồi nằng* nho-hóa ra chữ *tại năng* và dân-hóa ra chữ *giỏi-giang*.

3) Dân hóa có khi trực-tiếp, có khi gián-tiếp. Trực-tiếp như những tiếng ta bắt-chước nói như người Tàu, như chữ *tầy chay* do chữ *đề chế* đọc theo giọng quảng-đông, chữ *phở* do tiếng *ngàu yục phần* rút ngắn lại. Gián-tiếp là do những chữ nho của các nhà hán-học dùng, rồi người thường dân bắt-chước nói chạnh đi ít nhiều, ví dụ: chữ *giầu-gia* ở chữ *nhân-gia*, chữ *nghênh ngang* ở chữ *hiên-ngang*, đều là những tiếng dân-hóa gián-tiếp. Lại ví-dụ như những tiếng *trắng bệch* và *trắng phau*: *trắng bệch*, tức là *trắng bạch*, đọc chạnh đi, là dân-hóa gián-tiếp, còn *trắng phau* tức là *trang pài* (chữ *bạch* giọng Bắc kinh là *pài*, là dân-hóa trực-tiếp.

4·) Một chữ Tàu có thể dân-hóa ra hai ba tiếng Việt-nam. Ví-dụ:

Tiếng Tàu (quảng-đông)	*Nho-hóa (một chữ)*	*Dân hóa (nhiều chữ)*
sềnh	*thành*	*xong, suối, sàng*
lình	*linh*	*thiêng, liêng*
sường	*thường*	*thoảng, xoảng.*
pạc	*bạch*	*bệch, phau*
cây	*ký*	*ghé, nhờ.*
ỳ	*nghì*	*ngờ dè.*
cọt	*cát*	*cắt gọt.*
coọc	*giác*	*góc, các gạc.*

(Xem tiếp trang 21)

LÊ TƯƠNG DỰC

Sao lại không ? Ngay bây giờ, trẫm sai ban hành hai đạo chiếu. Và ngày mai ngươi bắt đầu làm việc.

VŨ-NHƯ-TÔ

Xin phụng-chỉ. Nhưng gông và xiềng xích này Hoàng thượng còn bắt tiện nhân đeo đến bao giờ ?

LÊ-TƯƠNG DỰC ngần ngại

Tháo cho ngươi, nhưng ngươi đừng nên phụ lòng trẫm.

VŨ-NHƯ-TÔ nói to

Hoàng thượng coi tiện nhân là người thế nào ? Đại trượng phu một nhời đã hứa, dẫu nhảy vào đống lửa cũng không từ

LÊ TƯƠNG-DỰC

Ngươi nên thành tâm giúp trẫm.

Nội giám vào.

Cảnh X

Hai người trên. Thêm nội-giám.

NỘI GIÁM quỳ

Tâu Hoàng-thượng, thứ phi Kim-Phượng bỗng nhiên lan ra bất-tỉnh.

LÊ TƯƠNG DỰC

Chết chửa ? Kim-Phượng làm sao ! Nàng làm sao thì đài xây làm gì ? Ngươi hãy theo ta mau đến Hoa-thanh-cung

Vua đem cả bản đồ cuốn sổ cùng viên nội giám ra.

Cảnh XI

VŨ NHƯ-TÔ một mình

NHƯ-TÔ thở dài

Ta hứa nhận xây đài cho hôn-quân, Trời ơi ! Sao lại để tài này phải đem phụng sự một người hèn hạ ? Đâu là khí tượng một vị chân mạng đế vương ? Lời nói thì thô tục cử chỉ thì suồng-sã, ta chỉ thấy một đứa tiểu nhân mạt hạng. Không đáng sách dép cho Đan Thiềm

ĐAN THIỀM vào

Cảnh XII

VŨ-NHƯ-TÔ — ĐAN-THIỀM

ĐAN-THIỀM

Thế nào ông ?

VŨ-NHƯ-TÔ

Thưa bà mọi việc xong xuôi cả. Và chính tôi đang đợi bà để nói câu chuyện tâm-đầu.

ĐAN-THIỀM

Ông nhận xây Cửu-trùng-đài chứ ?

VŨ NHƯ-TÔ

Đúng như nhời bà khuyên lúc nãy. Nhưng tôi cũng buồn là lại giúp một ông vua vô-nhân cách. Tôi xây là xây cho tôi, xây vì bà.

ĐAN-THIỀM

Sao lại vì tôi ? Tôi chỉ là một tên cung-nữ giả đê-tiện. Ông nên nói là xây cho nước Đại-Việt.

VŨ NHƯ-TÔ

Vua Hồng-thuận không xứng với cái đài tôi xây dựng. Sao bà không làm vua cho tôi đem hết tài trí ra phụng thờ ? Từ lúc nhận nhời với nhà vua, tôi thấy lòng lạnh như tro tàn.

ĐAN-THIỀM

Không được thế. Không được thế. Tài ông trời đã phú cho, ông nên đem ra giúp nước. Nước là muôn thủo, ông vua chỉ là nhất thời. Ông cứ xây đi. Tôi đây, ông hiểu chưá, đời tôi là một đời trường hận, vậy mà tôi không nản. Mỗi khi quét sạch một cung phòng, tưới được một gốc hoa, là tôi lại không tủi cho thân phận. Ông nên theo gương tôi.

VŨ NHƯ-TÔ

Tôi lại phải cám ơn bà lần nữa. Bà đối với tôi có cái ân tái tạo.

ĐAN-THIỀM

Tôi mới đáng cám ơn ông.

Kịch lịch-sử

Vũ như Tô

NGUYỄN-HUY-TƯƠNG

Đời tôi là đời ủ rột, vô ích. Được gặp ông, tôi như cây khô được giọt nước hồi sinh. Từ lúc khuyên ông tôi vui lắm. Chỉ một lúc nhỏ này tôi cũng quên hết cả hai mươi năm buồn tẻ. Ông nên cố đi, đem cả tâm hồn tài trí mà xây cho được cửu-trùng-đài, làm cho người Tàu kinh dị và các rợ phương nam bái phục. Được thế thì suốt đời làm một cung nữ vô-duyên, tôi cũng không oán hận.

VŨ-NHƯ-TÔ

Tôi cam đoan với bà rằng tôi sẽ xây cho kỳ được đài cửu-trùng để đáp ơn tri-kỷ. Vì bà, tôi lại vừa nghĩ được vài điều mới lạ khiến đài thêm vẻ đẹp.

ĐAN-THIỀM

Thế thì còn gì bằng. Ông cố đi (thở dài). Tôi trông thấy ông gông cùm xiềng xích mà thêm ái-ngại cho khách tài hoa !

VŨ-NHƯ-TÔ

Chính tôi chỉ mong thế.

Họ nhìn nhau cùng cười

Màn hạ

HỒI THỨ HAI

Một cảnh thợ xây đài.

Họ đào móng.

Cảnh I

NGUYỄN-BA — PHẠM-ẤT — Thợ

Một người thợ

Thế này thì bao giờ xong cho ? Công việc man mác lắm. Xây

Số 5

thành đắp lũy cũng không khó nhọc cho bằng...Mấy năm nữa mình mới được về nguyên-quán ?

MỘT NGƯỜI KHÁC

Im đi bác, mình đã khổ đâu bằng bọn tải đá Đông triều. Lại còn bọn thiên sơn vạn thủy vào tận Chiêm-thành lấy đá về xây. Chúng mình kể cũng còn tốt phúc.

MỘT NGƯỜI NỮA.

Tốt phúc ! không thấy hôm nọ, một cái xà đè chết bao nhiêu người đó ư ?

NGƯỜI THỨ NHẤT

Tốt phúc ! Mới xây được một tháng, hàng trăm người chết. Lại còn mấy chục người Vũ đem chém nữa, thực là tội tình.

NGƯỜI THỨ HAI

Nhưng Vũ cũng là người giỏi ; chỉ có hắn mới có mẹo kéo những tảng đá kếch lên cao dễ như chơi.

NGUYỄN BA

Kể thì thực là người tài, tiếng đồn quả không sai. Các bác có biết điện trung ương thế nào không ?

MỘI NGƯỜI

Thế nào ?

NGUYỄN BA

Nghe trộm Vũ nói chuyện với người cung-nữ Đan-Thiềm nên mới biết. Tường và thềm toàn giát bạc cả. Giữa có tượng đức Lạc-long và bà Âu-cơ cầm đuốc vàng. Chung quanh tường sẽ chạm nổi những đoạn lịch sử nước nhà, như truyện hai Bà đuổi Tô-Định, Ngô-Quyền chém Hoằng-Thao, Lý-thường-Kiệt đánh Khâm-châu, Trần-nhân-Tôn khóc Toa-Đô, Lê-Thái-tổ tiễn quan Tàu về nước.

MỌI NGƯỜI

Thế thì đẹp vô-cùng.

MỘT NGƯỜI

Kể cũng xa xỉ ?

MỘT NGƯỜI

Đã thấm đâu. Vũ định xây nóc cao cho bóng ngả giữa hồ Tây.

MỌI NGƯỜI

Trời ơi ! thế thì cao biết mấy !

NGUYỄN-BA

Những cột trống trời, chạm trổ tinh tế, sơn son thiếp vàng cũng đủ bao nhiêu công của rồi, còn nói chi những thềm cao hàng bốn, năm chục bậc, những rồng đá, những cánh cửa vĩ đại, những hoành phi đối sộ. Rồi lầu này, tạ nọ, đường ngang lối dọc, những hành lang thăm thẳm, ai bỡ ngỡ lạc vào thì không biết mấy ngày mới lần ra được ? Vũ định làm cho đài Cửu-trùng đẹp hơn đài Cô-Tô lớn hơn cung A-phòng... Công việc còn man-mác lắm.

MỘT NGƯỜI

Đứng trên gác chính, tựa vào bao lơn đà họa ngũ sắc, mà nhìn ra hồ Tây, xem những thuyền hoa lướt bơi trên sóng thì ngoạn mục thực.

MỘT NGƯỜI

Vua vừa xuống chiếu sức làm những thuyền hoa chèo quế.

NGUYỄN-BA

Vũ là người đáng trọng. Những kẻ chỉ biết ăn rồi ngủ, thì sống cũng như, chết.

PHẠM ẤT

Chỉ sợ rồi có ngày Như-Tô nổ lộng quyền lại không giết ngay bác ấy ư ?

NGUYỄN-BA

Chả thấy đâu, chỉ thấy vua vừa ban chiếu bắt dân-gian quan-lại từ nay phải trọng đãi bọn ta... Đấy là công..

(còn nữa)

NGUYỄN-HUY-TƯƠNG

Cùng các đại lý

Số Xuân 1944 hiện nay ở tòa báo đều hết, nhiều đại lý có đánh giây thép về lấy thêm song chúng tôi tiếc không làm vừa lòng các bạn được.

Đại lý nào còn thừa xin gửi *trả lại ngay* nhà báo các số xuân cảm tạ.

Ty trị sự Tri Tân

Un ouvrage indispensable aux candidats

CENT REDACTIONS CORRIGEES

au Certificat d'études

par Trần-Huy-Cơ et Nguyễn-Huy-Hoàng, Instituteurs

Nouvelle édition (adopté)

Prix 1$50 — Port 0$12

Librairie Đông-Tây, 195, rue du Colon — Hanoi

Một nhà mô-phạm có tiết-tháo

CỤ CỬ VÕ THẠCH NGUYỄN HUY ĐỨC (1824-1898)

TIÊN-ĐÀM

Ngày 22 Août 1942, tôi có nói chuyện cho hội Truyền Bá quốc ngữ về « Tiết tháo các ông thầy và tình thầy trò hồi trước » (1). Trong bài ấy tôi có dẫn một vị đạo-đức mô-phạm là cụ Nguyễn huy Đức. Khi ấy tài liệu về cụ còn sơ-lược; nay nhân được xem lại hành trạng cụ (2) ở bia do các môn-sinh dựng dựng hiện còn ở nhà thờ cụ tại làng Hạ thái, huyện Thanh trì (Hà-đông), vậy xin thuật lại sau đây để thêm vào việc khảo-cứu.

Cụ Nguyễn huy Đức, biệt hiệu là Liên đình, sinh ngày 16 tháng tám năm Giáp-thân, niên hiệu Minh-mệnh thứ năm (1824), đỗ cử nhân thứ 11 khoa mậu-ngọ, đời Tự-Đức (1858) tại trường Hà-nội. Thân-phụ tên là Hiệp, thân mẫu là Dương thị Kỳ.

Tổ tiên cụ nguyên là người làng Phú-thị, huyện Gia-lâm, tỉnh Bắc-ninh, nối đời khoa-giáp như các cụ: Nguyễn quang Nhuận, Nguyễn huy Mẫn, Nguyễn huy Thuật, Nguyễn huy Dận, Nguyễn huy Cần đều đỗ đạt khoa và làm quan đời Hậu-Lê. (3)

Đến đời Tây-sơn, ông nội cụ là Huy-Trạch nhân là dòng dõi Lê-triều, mới tránh loạn sang ở tại làng Canh-nậu, huyện Thạch-thất tỉnh Sơn-tây.

Cụ Huy Trạch học rộng lại giỏi nghề làm thuốc, nên niên hiệu Gia Long năm thứ hai (1803) có chỉ triệu vào kinh sung Thái y, cụ cố xin từ, rồi dời nhà ra ở làng Võ Thạch, Hà-nội (nay ở vào chỗ sở Địa-chính, xế bót hàng Trống), truyền đến cụ Nguyễn huy Đức.

Cụ Nguyễn huy Đức, lúc thiếu thời, mồ côi cha, thờ mẹ chí hiếu, nhớn lên, theo học hai nhà mô-phạm có tiếng lúc bấy giờ là cụ Vũ Lỗ-Am (4) và cụ Nguyễn Chí-Đình (?). Sau khi thi đỗ, cụ Huy-Đức không chịu ra làm quan, chỉ ở nhà dạy học.

Cụ thường nói với học trò rằng: « Ta may được sinh vào thời minh thịnh, có thể ra làm quan, nhưng trên còn mẹ già, ta còn phải phụng dưỡng. Thầy Mạnh-Tử nói: người quân tử có ba điều vui; ta nay thích được những trang anh-tài mà dạy-dỗ. » Rồi để ở ngoài cửa hai chữ « *Liên đình* », lấy nghĩa rằng chỗ ở của cụ thuộc về Kim-liên và có ý vì mình như hoa sen là thứ hoa thơm tho, tinh khiết. Làm văn, cụ trọng kinh điển và sở trường về văn-sách. Tiếng tăm cụ vang khắp mọi nơi, ngoài cửa biết bao người từ xa tìm đến để xin vào học.

Niên hiệu Tự Đức quí-dậu (1873), thành Hà-nội có việc binh-cách, cụ thường ngâm bài thơ *Phượng hoàng sơn* của Chu Văn-Trinh (5) để tỏ chí mình.

Quan kinh lược Bắc kỳ là Nguyễn Chính, quan Tuần phủ là Trần Đình Túc trọng cụ lắm, muốn cử làm chức Đề-học để dạy dỗ con em. Cụ cố từ, lấy cớ là còn mẹ già. Cụ có nói rằng: « Tính tôi thô sơ và vụng về, mẹ tôi lại trông vào tôi việc nuôi dưỡng. Nếu tôi được ở yên nơi hành môn (chỗ người ở ẩn) mà dạy học, sau này giúp học trò thành tài để Triều-đình sai khiến, ấy là tôi báo đáp ơn của Triều-đình vậy. » Vì thế, việc lại thôi.

Năm Tân tỵ (1881) có chiếu truyền cử những người yêm-bác, quan tỉnh lại tiến cụ. Cụ không từ được, mông ơn cho trạm đưa về kinh, (6) nhưng cụ lại cố xin về nuôi mẹ già.

Đến năm Nhâm-ngọ (1882), cụ dời nhà về làng Hạ-thái huyện Thanh-trì, dạy học, người lúc ấy ví cụ như ông Chu-Tử dạy học ở Lộc-động và Nga-hồ. Hơn 20 năm giời, cụ không bước chân ra chốn thị thành. Học trò đến học, tấn tới rất nhiều.

Quan kinh lược Bắc kỳ là quận công Nguyễn hữu Độ, Vĩnh Trung Tử là Nguyễn trọng Hợp, Duyên mậu bá là Hoàng cao Khải đều trọng danh cụ. Năm Thành Thái

Dạy học thuốc và chuyên chữa nội-khoa
theo thể-thức
ĐÔNG-PHƯƠNG
chỉ có:
Thượng-Đức
15 mission Hanoi — Tél. 1629
đã được tín-nhiệm hoàn toàn

Nhâm-thìn (1892) dâng sớ tư thưởng cho cụ hàm Hàn-lâm viện trước-tác; cho ở nhà nuôi mẹ già.

Đến tháng bảy, năm Bính thân (1896), thân mẫu cụ qua đời, thọ 97 tuổi. Cụ làm nhà bên mộ, ấp mộ ba năm theo hết việc hiếu ; rồi đến tháng đàm-tất (hết trở), cụ bị bệnh mất ở nhà, ngày 18 tháng chín, năm Mậu tuất (1898), thọ 75 tuổi, mộ táng tại làng Hạ-Thái, xứ Gốc-táo.

Phẩm hạnh cụ Nguyễn huy Đức rất đoan-chính và liêm khiết, đối với người ngoài thì hồn-hậu, chất phác ; thờ mẹ già hơn 40 năm mà sự hầu-hạ, thăm viếng như trong một ngày. Trong nhà năm đời cùng ở với nhau rất hòa vui. Cụ chỉ lấy sự giảng học làm sung sướng. Thật là cảnh nhà trị-bình của đời xưa vậy.

Trong khoảng hơn 40 năm, học trò đến học cụ có đến hơn 1000 người mà trong số ấy nhiều người hiển đạt. Bình sinh cụ có tính kính cẩn, không bao giờ có cái dáng-vẻ trễ nải, nhất thiết bỏ hết những sự ưa muốn theo tục thường. Vì vậy mà khuôn phép trong nhà đoan-chính, qui củ việc học nghiêm-trang.

Cụ được 6 con giai, năm con gái, ông tú-tài Huy-Vỹ là con đích cụ.

Cụ mất được 5 năm, nhà vua có chiếu cầu người đức hạnh, nên học trò cụ đem hành trạng mà tâu lên. Thật là một bậc mô-phạm có tiết-tháo vào bậc nhất ở cận đại vậy. (7)

TIÊN-ĐÀM

(1) Coi Tri Tân số 62 ngày 2-8 septembre 1942 và số 64 ngày 16-2 septembre 1942.

(2) Tài liệu này do bạn Phạm Vũ chép cho, xin cảm tạ.

Thống-chế Pétain đã nói :

Thống-chế, Quốc-trưởng Pháp, thành-thực chúc nước Nam phồn-thịnh và cuộc cộng-tác Pháp Nam càng ngày càng mở mang và phong phú.

Bia này hiện còn ở nhà thờ, dựng năm Thành Thái thứ 15 (1903) tháng bảy của các học trò : Trưởng môn : Cử-nhân Lương văn Can phụng thảo, Hiệp biện đại-học sĩ, Ninh Thái Tổng đốc Canh-Thìn khoa tiến sĩ Đỗ văn Tâm, Nam-định tuần-phủ cử-nhân Trương văn Chi, Phủ Lỗ án sát Lê huy Phan, Hà nam án sát Mai Trung Cát, Bắc giang đốc học Phó bảng Đặng tích Trù, Hải ninh quản đạo cử-nhân Nguyễn Bách phụng nhuận, Thanh Trì tri huyện cử nhân Nguyễn Nhạ, Tùng-Thiện tri-huyện cử-nhân Nguyễn thiện Kế, Tiên Hải tri-huyện Nguyễn sĩ Ngạc, Vĩnh Ninh tri huyện Tú Tài Nguyễn Ban, Kim Anh huấn đạo cử nhân Nguyễn Quỳ Tiên Lữ huấn đạo cử nhân Lương ngọc Lâm phụng kiểm, Tú tài Trần quang Diệu phụng thư.

(3) **Nguyễn Quang Nhuận**, *năm 26 tuổi đỗ đầu tam giáp đồng tiến sĩ khoa quý-mùi (1703) niên hiệu Chính-hòa thứ 24 đời vua Hy Tôn nhà Lê (1676-1705), sau đổi tên là Huy-Nhuận, đi xứ Tàu, làm quan đến Tham tụng, Hộ bộ thượng thư, tri quốc Tử giám, tri sự, khởi phục phụng-Thị ngũ-lão Đại tư không Triệu quận công, tặng Đại tư mã ; thọ 81 tuổi. Cụ là đường huynh các cụ Nguyễn Huy Mãn, Nguyễn huy Thuật, thân sinh cụ Nguyễn Huy Triệt, Tổ phụ cụ Nguyễn Huy Cần.*

Nguyễn Huy Mãn, *năm 34 tuổi, đỗ tam giáp đồng tiến sĩ thứ 12 khoa tân-sửu (1721) niên hiệu Bảo Thái thứ hai đời vua Giụ Tôn nhà Lê (1705 1729), làm quan đến Tự-khanh. Cụ là em ruột Huy Nhuận, anh ruột Huy Thuật, chú ruột Huy Dận.*

Nguyễn Huy Thuật, *44 tuổi, đỗ tam giáp đồng tiến sĩ thứ 15, làm quan đến Thừa Chỉ tri sĩ Là em ruột các cụ Huy Nhuận và Huy Mãn, và chú ruột Huy Dận.*

Nguyễn Huy Dận, *năm 41 tuổi, đỗ tam giáp đồng tiến sĩ thứ hai khoa Mậu thìn (1748) niên hiệu Cảnh hưng thứ chín đời vua Hiển Tôn nhà Lê (1740 1786). Ứng chế hợp cách, làm quan đến Tự khanh, tước Bá, tri-sĩ. Cụ là thân phụ Huy Cần, là con Huy Nhuận, cháu Huy Mãn và Huy Thuật. Cha con làm quan cùng Triều.*

Nguyễn Huy Cần *năm 32 tuổi trúng Hội nguyên khoa Canh-thìn (1760) niên hiệu Cảnh hưng thứ 21, đời vua Hiển tôn nhà Lê (1740-1786), thi đình, đậu tam giáp đồng tiến sĩ, nhưng từ về, không ra làm quan. Cụ là con Huy Dận, cháu Huy Nhuận*

(4) Cụ Vũ tôn Phan hiệu Lỗ-Am, đỗ tam giáp tiến sĩ khoa Bính Tuất triều minh-mệnh (1826) làm đốc học người làng Lương Ngọc, phủ Bình-giang tỉnh Hải dương, ngụ quán ở Bạch mai. Cụ là một bực mô-phạm đạo đức, cảo quan về nhà dạy học, học trò hiển-đạt rất nhiều, trong số ấy có cụ Nguyễn tư Giản, đỗ tiến sĩ làm Lại bộ thượng-thư và Nguyễn Trọng Hợp đỗ tiến sĩ làm Kinh-lược Bắc-kỳ, tước Vĩnh Trung Tử. Tiếng tăm cụ bay đến tai vua có ban bốn chữ « đào thục hậu tiến » hiện còn treo ở nhà thờ.

(5) Tức là cụ Chu văn An thụy văn trinh, bậc danh nho đời nhà Trần.

(6) Một thuyết nói là khi vào bệ kiến diện hạch, cụ cố làm cho hỏng để được về.

(7) Những tài-liệu này biết theo hành-trạng đã ghi ở bia nhà thờ cụ Cử Võ thạch. Bạn nào còn tài-liệu gì về cụ xin bổ túc thêm cho. Vạn tạ.

Đính chính bài

Nhà Thục và nhà Triệu

Vì vội gởi bài cho nhà báo kịp làm số tết nên tôi không đọc lại cho kỹ được. Sau khi gởi bài rồi, tôi đọc lại bản nháp thấy có một đoạn chưa ổn, từ câu : « Tôi không hiểu lại sao L. Aurousseau lại không để cuộc... » đến câu « . một người tôi lạc trong dân Việt nổi lên cầm đầu trong khi nguy biến mà dân không có chủ » xin độc giả bỏ cả đoạn ấy đi mà thay vào đoạn sau này :

L. Aurousseau sở dĩ suy đoán như thế là vì ông lộn lẫn Tây-Âu và Lạc-Việt làm một. Ông bằng vào lời chú giải của Sử cổ ở Tiền Hán thư (K. 95) nói rằng Tây-Âu tức là Lạc-Việt để thích chữ Tây-Âu Lạc là nước Triệu-Đà kiêm tính (xem sau). Vì Sử-cổ không nói rõ rằng bấy giờ sở dĩ gọi là Tây Âu-Lạc là vì nhóm Tây-Âu hay Tây-Vô và nhóm Lạc Việt là hai nhóm trong Bách-Việt ở miền Quảng-Tây và Bắc-kỳ ngày nay (1) đã do An Dương vương gồm làm một nước, tức sử ta gọi là nước Âu-Lạc.

Theo sách Hoài-Nam tử chép thì vào khoảng năm 221-214 quân nhà Tần đánh người Việt, giết được vua nước Tây Âu gọi là Dịch-Hu-Tống 屠 雎 (2). Cứ đoạn sách ấy thì quân nhà Tần chỉ mới đánh đến Tây-Âu là ở địa-phận tỉnh Quảng-Tây, miền Uất-Lâm (3). Sau khi vị thủ lãnh của họ bị hại, « người Việt đều vào trong rừng sâu, ăn ở cùng cầm thú, không chịu làm nô lệ nhà Tần. Họ đặt người Kiệt-tuấn làm tướng và cứ ban đêm thì ra đánh người Tần phá được quân Tần và giết được quan Ủy-Đồ-Thư. Người chết và bị thương đến mấy chục vạn người. (Nhà Tần) bèn phát những người bị đày đến đó để phòng bị (người Việt) (4) Từ đó trở lên, chỉ có những tên Tây-Âu và Lạc-Việt tách riêng, đến khi Triệu-Đà chinh phục miền Nam mới có tên Tây-Âu-Lạc (Sử ký, K. 113) hay Âu-Lạc (Quảng-Châu Ký, dẫn ở Sử-ký, K. 113). Cái tên mới ấy tỏ rằng Tây-Âu đã gồm với Lạc-Việc làm một. Sự kiêm tính ấy phải chăng là do người Kiệt-tuấn mà dân Việt đã cử ra làm tướng để chống cự với quân Tần ? Sách xưa không nói gì về việc ấy, nhưng nếu ta so với cách thành lập của nước Âu Lạc trong truyền thuyết thì ta có thể ức đoán rằng người Kiệt-tuấn ấy tức là Thục Hán trong sử ta. Người ấy được dân Việt cử lên vào khoảng năm 219 đến năm 207 là năm Triệu-Đà cát cứ, tức là lúc nhà Tần cô loạn, người ấy đã thừa cơ tự cường và thâu phục luôn nhóm Lạc-Việt ở phía Nam cũng là người đồng tộc, mà lập thành nước Âu-Lạc, sử xưng là An-Dương vương. Truyền thuyết thấy Phán ở miền Tây-Bắc mà xuống, lại bằng vào giới hạn của nước Văn-Lang phía Tây-Bắc giáp đến Ba Thục, cho nên cho Phán là con vua nước Thục. Thực ra, Phán chỉ là một người Việt tuy khác nhánh với người Lạc-Việt, nhưng cũng là đồng tộc. ĐÀO DUY ANH

(1) Xem *Bách Việt tiên hiền truyện* dẫn ở sách Từ-Hải.

(2) Theo L. Aurousseau thì việc giết Dịch-Hu Tống là vào năm 219.

(3) Theo Thái bình Hoàn vũ Ký dẫn ở Từ-Hải.

(4) Theo *Sử ký*, L. Aurousseau dẫn.

ĐẠI-NAM DẬT-SỰ

(Tiếp theo trang 9)

10. — Còn Dương-tố thì *Tùy-thư* (quyển 2, tờ 3 b) chỉ chép rằng năm 590, « bọn Lý-Xuân ở Giao-chỉ tự xưng đại-đô-đốc, đánh hãm châu huyện : vua Tùy sai Dương-Tố đi đánh ». Như thế là sang đánh, chứ không thể gọi là sang cai-trị nước Nam. *Đại-Việt sử ký* (quyển 5, tờ 12 a) bàn rằng: « Lý-Xuân có lẽ là Lý Vạn-xuân, vì Vạn-xuân là quốc-hiệu của vua Tiền-Lý, Phật-Tử noi theo, đến năm 590, tức là sau 20 năm mới sai Dương-Tố sang đánh, nhưng không được, phải trở về : sử Tàu kiêng, cho nên sử ta cũng không chép ; cách 12 năm nữa, mới sai Lưu-Phương sang đánh, sử Tàu mới chép sự thực ».

11. — Chu-pháp-Thượng làm tổng-quản châu Vĩnh, kiêm yên-tập Lĩnh-nam vào đời Trần-bá-Tiên (557-559). Mười năm sau, Thượng làm chức tổng-quản châu Quế, vẫn kiêm chức Lĩnh-nam an-phủ đại-sứ. Vài năm sau người châu Quế là Lý-quang-Sĩ làm loạn, Thượng lấy quân Lĩnh-nam đi đánh Sĩ, dẹp được (*Tùy-thư*, quyển 65, tờ 3 a). Cứ như thế, thì Chu-pháp-Thượng, tuy có làm chức đại-sứ ở Lĩnh-Nam, mà vẫn ở bên châu Quế. Vả lại châu Giao bấy giờ chỉ là một châu trong Lĩnh-nam ; không có một đoạn sách Tàu nào nói Chu-pháp-Thượng có sang cai-trị nước ta.

12. — Linh-hồ-Hy (ông Henri Maspero chép nhầm là Linh-qua-Hy) làm chức tổng-quản châu Quế, coi việc quân 17 châu. Vào khoảng năm 589, « vì bọn rợ Lĩnh-nam thường phản loạn, vua Tùy cho tự tiện làm việc, từ chức thứ-sử trở xuống được phép bổ dụng. Hy đến nơi (ở châu Quế), khắp ra ân tín lại xây thành, mở trường học, kẻ chợ nhà quê đều kính phục, khen là đời thịnh » (*Tùy-thư*, quyển 56, tờ 2 b). Coi cả 17 châu, mà ở bên châu Quế, tuy có xây thành mở trường, nhưng chưa chắc đã đến châu Giao ; vậy không thể chép là có sang cai-trị nước ta.

13. — Hầu-mạc-trần-Dĩnh ở vào đời Trần-bá-Tiên. « Bấy giờ triều-đình bên Tàu cho những chức thứ-sử và huyện-lệnh ở Lĩnh-nam, phần nhiều tham-nhũng, nên dân loạn, mới tiến-cử Trần-Dĩnh : vua Tàu cho Dĩnh chức Quế-châu tổng quản, coi việc quân 17 châu. Đến đời Tùy Dẫng-đế (580-604) cho Dĩnh ở Lĩnh-nam làm việc có đức chính, dân phía nam tin phục, bổ làm thái-thú quận Nam-hải » (*Tùy-thư*, quyển 55, tờ 5 b). Tuy hai lần có tiếng làm quan ở phía nam, nhưng sử Tàu không có chỗ nào chép là đã đến đất châu Giao.

Mới xem thì tưởng những tên trên này có sang làm quan ở nước ta, nhưng mà xét đến truyện từng người một, thì phần nhiều làm việc ở bên châu-Quế, châu Quảng, mà chỉ có tiếng là lĩnh chức ở châu Giao, chứ thực không có phụ trị ở châu Giao : vậy không thể vin vào chức ấy mà nói rằng hồi Tiền-Lý có quan Tàu sang cai-trị nước Nam.

(Còn nữa)

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

TUYÊN NGÔN

(*Tiếp theo trang 2*)

Nếu có thể, rồi chúng tôi sẽ thỉnh-thoảng lần lượt ra mắt các bạn đọc những số đặc-san hoặc về sử học hoặc về văn học khác nữa. Rất mong các bạn thân mến hưởng ứng mà cộng tác với chúng tôi để những số đặc san ấy có thể đi đến một cứu cánh khả quan.

***

Từ nay, Tri-Tân sẽ mở thêm mục **Trung-ngôn** do bạn *Trãi-Quan* 豸冠 coi giữ. Trước hết chúng tôi hãy giới thiệu với bạn đọc cái ý-nghĩa chữ tên của bạn Trãi-Quan :

Quan là mũ. *Trãi* là một vật có tính trung-trực, hễ thấy người ta đánh nhau thì nó húc kẻ không ngay thẳng, nghe người ta bàn cãi thì nó trị kẻ không chính-đính. Cho nên đời sau dùng nó làm tượng-trưng cho tính trung-trực của ông ngự-sử : áo ngự-sử có đính miếng bồ-tử thêu hình con trãi và mũ ngự-sử có đính miếng gỗ tiện hình con trãi rồi sơn bằng một thứ phấn biếc. Mỗi khi đàn-hặc bách-quan, viên ngự-sử phải đội cái mũ trãi ấy, rồi đổi cây trượng mà đọc bài đàn-hặc. Vì thế, *trãi quan* có nghĩa là *giữ phép công*.

Nay bạn Trãi-Quan giữ mục *Trung-ngôn*, tức là đóng vai ngự-sử trên trường ngôn-luận : phàm thấy ai dùng lầm viết quấy chữ gì, trưng sai dẫn trật điều nào, hoặc không trung-thực đối với xuất-xứ, hoặc có ác-ý trong khi luận văn, v.v., bạn Trãi-Quan đều có bổn phận phải nói thẳng cả. Nhưng xin thanh minh trước : bạn Trãi-Quan bao giờ cũng vì lòng yêu quốc văn, thờ quốc học, trung-trực mà nói, chứ không hề vì một tư ý gì hết. Dẫu vậy, công-việc đàn-hặc này, thỉnh-thoảng tùy tiện thì làm, chứ không buộc kỳ nào cũng phải, trên đàn văn, đóng mũ trãi.

***

Ngày xuân còn dài, nhiều việc còn chất trên vai chúng tôi. Mong rằng các bạn cùng Tri Tân cộng tác càng ngày càng chặt-chẽ thêm để thắng hết những nỗ khó-khăn, vượt quá quãng đường gai-gốc, đến được một ngày mai tươi sáng hơn.

Mưa gang ? Cứ tiến ! Bão thép ? Cũng không lùi. Các bạn hãy cùng Tri-Tân đứng sát lại trong hàng-ngũ văn-hóa, tay siết chặt tay cùng nhau hô lớn câu phong dao này :

« Chớ thấy sóng cả mà lo,
« Sóng cả mặc sóng chèo cho có chừng ! »

T. T.

Phòng thuốc
CHỮA PHỔI
chuyên môn về bệnh Phổi
15 hàng Bè (Radeau)
Hanoi — Tél. 1630
Giờ mở cửa :
Sáng từ 8 đến 12 giờ
Chiều từ 2 rưỡi đến 7 giờ
Chủ nhật nghỉ buổi chiều
Đặc biệt : *Thứ ba, thứ sáu xem mạch, cho đơn không lấy tiền.*
Ở xa mua thuốc gửi lĩnh hóa giao ngân. Và muốn hỏi bệnh gì, đính theo tem 0$06, sẽ được trả lời ngay.

Cảm tưởng và hy vọng...

(*Tiếp theo trang 3*)

Phỏng dịch, ta có thể dùng truyền bá tác phẩm của các danh sĩ Nga, Đức, Anh, Mỹ, Ý, Tây ban Nha, Thụy điển v. v..

Biên dịch, ta có thể dùng một cách khôn ngoan để giới thiệu với quốc dân những học thuyết đại danh trên thế giới.

Khoan vội bảo học giả Việt Nam tự lực tạo ra một học-thuyết ! Vì lời khuyên bảo ấy nông nổi và vu vơ lắm.

Khoan vội đòi hỏi sự truyền bá cho có thống hệ. Vì như ta đã biết, sự ấy chưa thể thực hiện được.

Khen, đã đành là chỉ để khuyến khích trong nhứt thời kẻ tự đắc vì thế có thể hư hỏng được. Nhưng chê vẫn chưa phải là giúp ích, nếu chê một cách đố kỵ, trong khi chính mình cũng tự nhận không tránh khỏi những điều mình chê.

Chỉ có những kẻ đầu óc to bằng con kiến mới thích người ta khen mình. Và chỉ có những kẻ tật tàn thường mới sợ người ta chê mình.

Khen, chê tuy là sự thường, nhưng khen chê một cách thành thật thì đáng yêu kính, mà khen chê một cách thiếu lương tâm thì thật đáng thương hại !

KIỀU-THANH-QUẾ

NHÀ GIỒNG RĂNG
Đỗ Ngọc-Giao
173 hàng Bông Lờ Hanoi
Mở lâu năm có tiếng là đứng đắn, và làm cẩn thận hơn hết — Công việc làm nhanh chóng và có bảo đảm.

Khái-luận và phê-bình thi-ca cũ

MỘT THIÊN TIỂU ANH-HÙNG CA

Sự tích của Kiều và Từ-Hải là một thiên anh-hùng ca bi-tráng — Hai nhân vật anh-hùng ca — Một mối tình phi-thường — Những khung cảnh anh-hùng ca — Một câu kết-thúc kỳ-vĩ — Với một ít đường bột nhẹ-nhàng, Nguyễn Du đã dựng nên một ngôi đền-đài độ-sộ vững chắc — « Chinh-phụ-ngâm » bài ca cua tuổi trẻ Việt-nam.

của HOÀNG-THIẾU-SƠN

Trong số các truyện-ngâm của chúng ta, bạn đọc hẳn lấy làm lạ thấy tôi không kể đến *truyện Kiều* quyển sách «lương-đống» của kho thơ ta! Vì tôi muốn cho *truyện Kiều* ấy có một địa-vị đặc biệt trong loài luân-lý ca, mà trước hết, nên xét rằng *quyển Kiều* có thể gọi là luân-lý ca không đã. Nhiều nhà phê-bình đạo-đức đã nghi-ngờ đến cái luân-lý của *truyện Kiều*. Thái-độ ấy kể cũng quá đáng, Theo thiển-kiến, *truyện Kiều* là thiên luân lý-ca lâm-ly, thống-thiết hơn hết của nòi giống Việt-Nam ta, tuy rằng đó đây, vì quá vị theo nghệ-thuật. vì quá chiều theo cảm hứng Tiên-điền đã thoát-ly ít nhiều ra ngoài cùm xích khắc khổ của thuần phong, mỹ-tục.

Tôi cố ý đặt *truyện Kiều* vào một địa hạt riêng-biệt trong địa-hạt luân lý ca vì *truyện Kiều* là một áng văn đã đi đến một nghệ-thuật cao-siêu, trên tất cả các thiên khác và nhất là điều đáng cho ta để ý trong bài khái luận này là *truyện Kiều* đã gồm nhiều đoạn lời thơ thật là hùng-tráng, mãnh liệt không thẹn với một thiên anh-hùng-ca. Những đoạn như thế rất hiếm trong thi-ca ta.

Trong *Kiều* đoạn Từ-Hải gặp Thuý-Kiều cho đến lúc Từ bỏ mình là 1 thiên anh-hùng-ca tuyết tác. Tại sao tôi lại có cái táo bạo dám quả quyết như thế? Vì đoạn văn ấy thật đủ điều kiện của một thiên anh hùng ca: hoàn toàn bi-tráng.

***

Trước hết, hai nhân vật chính là một đôi « giai anh hùng, gái thuyền quyên, » một đôi giai gái lý-tưởng đối với loại truyện, loại thơ như thế.

Khí-vũ hiên-ngang, Từ-Hải là kẻ...

« khuấy nước, chọc giời ».

Dọc ngang nào biết trên đầu có ai

một Hoàng Sào:

Giang hồ quen thói vẫy-vùng
Gươm đàn nửa gánh, non sông một chèo.

Phong-độ đã hào hùng, người lại còn có hành vi cử chỉ của một bậc trượng-phu:

Giữa đường dẫu thấy bất-bình mà tha?

người lại có « *lượng cả bao-dung* », người không cần ân oán, người « *quyết ra tay rửa sạch giận thuyền quyên* » không cốt để thu lòng thục-nữ, người chỉ muốn:

Cho người thấy mặt là ta cam lòng...

Từ-Hải, người trượng-phu Đông-Á sao giống chàng hiệp-sĩ thời phong-kiến mà hành vi cử chỉ đã được các thi hào ca tụng trong những thiên anh-hùng ca Âu Tây? Đã là khách anh-hào thì Đông-Tây cũng chẳng có gì cách-biệt!

Còn nàng Kiều, cốt-cách của nàng, cuộc đời của nàng, « *thiên bạc mệnh* » của nàng đã đặt lên đầu nàng một vòng hào-quang rực-rỡ, còn ai xứng đáng hơn nàng để đóng vai chính trong một thiên ái-tình ca bi thảm và hùng tráng nữa?

Lại còn những lời nói của nàng, nhất là những lời nói của nàng, khi thì « *mặn-mà* », khi thì « *thủy-chung* » thật là

... « *lời nói hữu-tình* », « *Khiến người lại nhớ câu Bình-nguyên-quân* »

***

Cuộc tình duyên giữa hai người cũng không phải là cuộc tình duyên giữa đôi nam nữ ta thường gặp trong đời.

« *Giai anh-hùng, gái thuyền-quyên* » nầy cũng không có tính

cách ngây thơ son-trẻ thực thà của chàng Roland chỉ biết đánh nhau hàng trăm hiệp và nàng Aude, chỉ biết khóc và cười, cũng không có vẻ lãng-mạn ẻo lả như Renaud và Armide, như Tancrède và Clomide trong anh hùng ca Ý-đại-lợi Jérusalem délivrée.

Cái tình của Từ và Kiều nó có một vẻ người lớn, đậm-đà, khoái-hoạt cái tình hiếm có và khó kiếm của một đôi trần ai tri-kỷ của hai khách thanh-khí tương-cầu tuy rằng nàng Kiều hình như khôn khéo quá, không chân thành bằng Từ-Hải.

Cái tình ấy là một cái tình «*Sánh phượng*», cái duyên ấy là một cái duyên « *cưỡi rồng* » nó đặc-biệt Đông-Á. Người đàn ông của chúng ta không quỳ gối dâng tim cho người tình, người đàn bà của chúng ta không nũng-nịu ẻo lả. Cùng chung tâm sự, cả đôi đều không ai thổn-thức. Người ta đứng cách nhau ba bước, và nói với nhau những câu mà một người thứ ba có thể nghe mà không ngượng.

Cho đến khi :

Trượng phu thoát đã động lòng bốn phương

chàng đã xem thường nhi-nữ,

Quyết liều rứt áo ra đi
cánh bằng tiện gió cất lìa dặm khơi

để quyết :

Làm cho tỏ mặt phi thường

vì chàng thiết nghĩ :

bao giờ mười vạn tinh binh
tiếng loa dậy đất, bóng tinh rợp trời.

bấy giờ chàng mới xứng với tình yêu của tri-kỷ.

Đã tạo nên hai nhân-vật xứng-đáng với một thiên anh hùng ca (héros épiques), hai nhân-vật yêu nhau với một mối tình phi-thường, thi-nhân lại diễn tả cuộc tình duyên của họ với một nghệ-thuật xuất-chúng.

Cuộc tình-duyên ấy là một tấn bi-kịch ba hồi : cuộc gặp gỡ và lúc tái-ngộ, khi trả ân báo oán, và cái chết bi-tráng của Từ Hải.

Bố-cục rõ ràng phân-minh, Nguyễn Du đã diễn lại tân kịch nhanh-nhẹn khác thường, không lôi-thôi dài giòng, không một chữ thừa cũng không một chữ thiếu. Mọi việc đều xảy ra trong những khung cảnh rất thích hợp với cốt chuyện, xứng đáng với một bài ca bi-tráng.

Nầy là quang cảnh triều đình với vẻ « *tề chỉnh, uy-nghi* », nghi vệ thiên tử,

Hai bên mười vị tướng quân...
Hoa quan phất phới, hà y rỡ ràng...

Này là quang cảnh « *trướng hùm* » oai nghiêm tĩnh túc :

Bắc đồng chật đất, tinh kỳ rợp sân ..

với tiếng trống trận thịp thùng với điệu nhạc quân rình rập.

Nọ là quang cảnh « *hội đồng tây oan* », quang cảnh một tòa án quân sự, làm cho người ta

Mặt như chàm đổ, mình nhường giẻ-giun

nhất là khi gọi các tích phạm tù, đến

Chính danh thủ-phạm tên là Hoạn Thư.

Đây là quang cảnh pháp trường khi « *khai-đao* » :

Máu rơi thịt nát tan tành.

Lại kia là quang-cảnh lửa binh kéo đến « *ầm ầm một phương,* » làm cho :

Ngất giời sát khí mơ màng,
Đầy sông kinh ngạc, chật đường giáp binh.

***

Thỉnh thoảng giữa cái bùng tráng nhường kia lại xen lẫn vào cái buồn dằng-dặc của kẻ chinh phụ đợi khách chinh-phu, cái buồn vô cùng không bao giờ dứt của người con gái cố quốc thả hương gởi hồn về « *đám mây Tần xa xa* » cho đến long thương rất nhân đạo của kẻ mủi lòng trước « *đòng xương vô định* ».

Đó đây vãi già Giác Duyên lại đem cái cốt cách từ bi, cái phong thái siêu thoát của nhà Phật đến làm cho những tấn kịch mau nhạt bớt màu rùng rợn. Thật là hoàn toàn, thật là đầy đủ.

Đoạn cuối lại lên đến trình độ bi-tráng cực điểm với cái chết có thể gọi là oan khốc của Từ Hải và cái « *oan khí tương truyền* » như một chuyện hoang đường đa kết thúc vở bi kịch ấy một cách kỳ-vĩ.

學醫東岳

Muốn nghiên-cứu khoa thuốc á-đông, nên mua ngay :

Sách thuốc Việt Nam. .	3$50
Tính các vị thuốc. . .	3 00
Khoa thuốc xử nóng. .	2 00
Khoa chữa phổi . . .	1 00
Khoa chữa mat. . . .	1 00
Khoa chữa tre con. . .	0 80
Ngoại khoa.	1 00
Sinh lý học.	1 00

cước quyển lớn 0$69, nhỏ 0$30.

Hỏi : *M. Nguyễn-xuân-Dương Lạc long 22 Tientsin Hanoi.*

Cho nên tôi lại dám quả quyết một lần nữa rằng sự-tích Kiều và Từ Hải là thiên anh-hùng ca bình như duy nhất trong thi ca Việt-nam. Trong nhiều truyện ngâm khác: *Hoa Tiên, Lục Vân Tiên, Phan Trần, Nhị-độ-mai* cũng có cảnh chiến-trường, cũng có lúc giao binh, nhưng không bao giờ thấy hơi van mạnh mẽ như ở đây.

Ấy là cái tài đặc biệt của Nguyễn Du, người đã biết dùng câu thơ lục-bát ẻo lả yểu điệu, một cách hùng kiện vô-song. Khác nào người đã dùng một ít đường bột nhẹ-nhàng để xây nên một ngôi đền-đài đồ sộ.

Người đọc văn có thể tự hỏi lại sao lại có thể có sự thành-công kỳ-dị như thế? Chính lúc này là lúc nhớ đến câu nói đầu cửa miệng của các triết nhân Âu-châu: « *những ý tưởng đã trị-vì cả thế giới* ». Nguyễn Du đã làm nên việc phi-thường vì Nguyễn Du đã có một ý nghĩ, Nguyễn Du đã có một mối tình nó đem cảm hứng đến cho ngòi bút thi nhân và đưa ngòi bút kia ra ngoài mọi khuôn-khổ bình thường.

Người ta thường bảo tác giả truyện Kiều là một ông quan « *bất đắc chí* » và vì thế người đã tự ví với cô Kiều và tự cho mình là khách hữu tài và bạc mệnh. Đã bảo Nguyễn Du là một ông quan bất đắc chí, một ông quan « *ngượng* » Không hứng thú gì với cái đời công hầu « *vào luồn ra cúi* », với cái nghề « *hàng thần lơ-láo* » thì có lẽ phải nói Nguyễn-Du đã tự ví mình với Từ-Hải, con người khinh ra mặt « *những loài giá áo túi cơm* » mới đúng.

Người ta có thể nghĩ rằng Tiên-Điền đã viết nên thiên anh hùng-ca của Từ-Hải với một nỗi uất-ức trong lòng, với cái mơ-ước gián-tiếp muốn chính mình được làm ngay anh chàng « *hàm ên mày ngài* ». Trong hồi báo ân, báo oán, qua các câu thơ hà người ta không phẳng-phất nhận thấy cái vui sướng, cái cảm-động của thi nhân khi cùng nàng Kiều hậu tạ những « *nghĩa trọng ngàn non* », cái khoan-khoái, cái nhẹ nhàng của thi nhân cùng khi nàng Kiều giả được những mối tử thù, nhất là khi đắc chí, nàng triết lý rằng:

« *Lồng lộng giời cao,*
« *Hại nhân, nhân hại sự nào tại ta!* »

Vì trong tâm-tư có điều thích-thảng, nên lời văn của Nguyễn Du trong đoạn này thật là mênh-mang như giời bể, cao cả như núi non, đạt được đến trình-độ hùng-tráng chót vót vậy.

Nhưng thiên anh-hùng ca của Từ-Hải ta chỉ nên xem như một thiên anh-hùng-ca, chứa phải một thiên ái-quốc ca là thể cao nhất của anh-hùng ca. Nguyễn Du đã viết nên quyển Kiều với một lòng vị kỷ rất thường tình của các bậc thiên tài, dưới sức xô đẩy của một mối tình, hình như có thể gọi là một mối tư phẫn, cho nên truyện Kiều không được « *trong ngọc trắng ngà* » như một thiên Chính-khí-ca, cho đến một thiên Chinh-phụ-ngâm cũng còn có giá trị luân-lý và quốc gia hơn nó nữa.

***

Nếu *Cung oán* đã chịu nhiều ảnh-hưởng của Phật-giáo, thì *Chinh-phụ-ngâm* là một sáng-phẩm tốt-đẹp của Khổng-giáo. *Chinh-phụ-ngâm* đã giới-thiệu với người đọc một trang thanh-niên tuấn-kiệt có cái phong độ của một Hoài-Văn-Vương, một Tuân-Nhật-Duật. Cái đại nghĩa ái-quốc tôn quân, chí-khí anh-hào đẹp niềm thê-tử để thung-dung đi đền « *ơn nước nợ trai* » của người Chinh-phu, cái sầu đức hạnh đài các của người chinh phụ tất cả họp lại làm thành một sự hy-sinh vĩ-đại chưa hoàn toàn là một thiên anh-hùng ca. *Chinh-phụ-ngâm* cũng đã xứng-đáng là quyển sách đầu giường của thanh-niên nam-nữ nước nầy. Nó phải là một bài ca của tuổi trẻ Nam Việt.

Điệu thơ *Chinh-phụ-ngâm* nhiều đoạn cực kỳ hùng-tráng. Ý thơ, dẫn ra trong 2 câu lục-bát, đả động lại, hàm-súc lại trong hai câu song thất và thỉnh thoảng nhờ lối văn biền-ngẫu, hai câu song thất trở nên mạnh-mẽ rắn chắt vô cùng những nơi khác, lời thơ rộng-rãi, quý-phái, trang-nhã. Đoạn cuối lại rít cao lên như giọng *majestuoso* của một bản đàn, những hình ảnh dồn dập gấp rút bi-thiết lạ thường. Đọc lên, không ai có tài gì để lòng mình bình thản được.

HOÀNG THIẾU-SƠN

Muốn làm giàu mua vé số
Đông Pháp
1p·00 một vé

Bàn góp về nguồn-gốc tiếng Việt-nam

(Tiếp theo trang 11)

5·) Những chữ hán, nho-hóa ra tiếng Việt-nam, phần nhiều không đổi nghĩa. Người Tàu hiểu làm sao, ta hiểu làm vậy, cho nên ta và khách có thể bút-đàm được. Có một vài chữ ta dùng khác nghĩa, ví-dụ như những chữ *đáo-để* hán-tự là *đến cùng*, tiếng ta lại nghĩa là *ráo-riết*, là *ghê-gớm*; *kỹ-lưỡng* cũng như chữ *kỹ-năng*, tự-vị Đào-duy-Anh chua rằng ta thường dùng theo nghĩa *cẩn-thận* là sai; chữ *tử-tế* hán-tự là *tinh-mật kỹ-càng* dùng sang tiếng nam lại nghĩa là *bụng tốt*. Tuy vậy, những thí-dụ trên này cũng không phải là lệ-ngoại, vì những chữ *đáo-để*, *tử-tế*, *kỹ-lưỡng* dùng theo nghĩa tiếng Việt-nam, không phải là nho hoá nữa, mà chính là những tiếng dân-hóa gián-tiếp.

5·) Chữ Tàu dân hóa ra tiếng Việt-nam, nhiều khi nghĩa khác lần đi. Ví-dụ chữ *hiện*, giọng Bắc-kinh là *hsien*, thành ra chữ *sẵn*. Chữ *kê*, giọng Bắc-kinh là *chi*, thành ra chữ *trứng*. Có khi mất hẳn nghĩa cũ đi mà thành ra một tiếng đệm, ví-dụ: đẹp-đẽ (*đẽ* ở chữ *lệ* là *đẹp*), *chịu tho* (*thò* ở chữ *thụ*, là *chịu*), *bắt bớ* (*bớ* ở chữ *bộ*, là *bắt*), *dỗ lòm* (*lòm* ở chữ *hồng* là *dỗ*), *tối om* (*om* ở chữ *ám* là *tối*), *buồn thiu* (*thiu* ở chữ *tiều* là *buồn*), *đau đớn* (*đớn* ở chữ *thống* là *đau*)....

***

Nói tóm lại, nho-hóa phải bó-buộc theo lệ-luật nhất-định về cách đổi âm, đổi giọng, nên không tránh được những chữ đồng-âm. Dân-hóa không theo lệ luật nào nhất-định, nên đã làm giầu cho tiếng Việt-nam được nhiều từ-ngữ rất thần-tình. Còn một điều nên chú-ý: độc-giả đọc những câu: chữ *ốn* quảng-đông thành ra chữ *an* Việt-nam, hay trái lại chữ *điều* Việt-nam thành ra chữ *nỉu* quảng-đông, chắc cũng cho là sai. Đáng lẽ phải nói: chữ «*trên bộ miên dưới chữ nữ*», hai nghìn năm về trước đọc thế nào ta không biết, ta chỉ biết rằng cái âm X ấy bây giờ quảng đông là *ốn* mà Việt nam là *ăn*. Nói thế rườm rà quá, nên bất-đắc-dĩ tôi phải dùng câu: *ốn* quảng-đông thành ra *an* Việt-nam, cho lý luận thêm rành mạch. Tiếng Việt-nam có tới một vạn chữ nôm, thạc sĩ nào có đủ X, Y mà thay vào cho hết?

(Còn nữa)

ĐÀO TRỌNG ĐU

Một cuốn sách quý (đang in)

Sau trận thủy chiến ở Bạch Đằng, trận Đống đa là một võ công oanh liệt nhất ở trong sử ký Việt-Nam; muốn biết rõ những cách hành binh cùng sự toán thắng, xin các bạn đón coi:

QUANG TRUNG

lịch sử ký sự của HOA-BẰNG

Một quyển sách có nhiều tài liệu mới lạ về triều Tây-sơn.

Xin nhận mua trước tại:

Tỵ xuất bản Tri-Tân

95-97, Chanceaulme — Hanoi

TIỂU THUYẾT LỊCH-SỬ

CHÁY CUNG CHƯƠNG VÕ

Số 14

TU-THIÊN

Phần thứ hai

I

Đám ma Đông hải Đại-vương cử hành rất long trọng.

Tất cả binh lính tướng-tá dưới trướng vua Chương Võ đều theo ngài xuống tận thành Yên-nhân bái tiễn một vị tráng sĩ anh hùng đã bỏ thân vì nghĩa lớn, phúc chung. Tất cả hàng mấy vạn quân sĩ đều mặc trắng đi hàng đôi, đeo cung, bồng kiếm như lúc ra trận, đi theo linh-cữu. tất cả các phụ lão nhân dân, cũng đều mặc áo thụng trắng, đội khăn trắng, đứng chực ở nhà trạm dựng bên đường bái vọng, lấy tạ lần cuối cùng vị vương giả ân nhân, rồi cứ g sếp hàng nối theo sau đám quân-sĩ đi đưa. Thành ra đám tang Đại vương mỗi lúc một đông thêm, người chen chúc nhau như kiến cỏ, ai nấy đều lặng lẽ sa nước mắt, thương nhớ người quá cố như nhớ thương cha mẹ vậy.

Đám tang đến lăng. cuộc tế theo nghi lễ đế-vương dưới bầu giời thảm đạm càng reo thêm vào lòng người còn sống sôi sùng sục căm hờn phục thù. Tế xong Chương-Võ Hoàng đế thân đứng trước linh-cữu, khóc than mấy câu, rồi hứa hẹn trước linh hồn bạn đồng chí:

— Hiền đệ chết vì nghĩa chung! Non sông này còn ghi nhớ mãi mãi. Ngu-huynh nguyện sẽ báo thù cho hiền đệ băm thây sẻ thịt kẻ nghịch tặc kia để noi theo cái chí của hiền đệ cứu vớt cả trăm họ. Sống trung nghĩa, chết anh linh. Xin hiền-đệ phù hộ cho ngu huynh chóng thành công quả!

Nói xong, Chương-Võ lại khóc thảm thiết như một đứa con trẻ khiến ai nấy đều cảm động sa nước mắt. Vua Chương-Võ hui ra, lần lượt, các vị tráng sĩ cao-cấp như Vệ Linh, Lưu-ngọc ở miền Bắc, nghĩa-sĩ Vân Côi, hai công-tử Hòa-đao, Thịnh-nguyên. vân vân, Đều ra quỳ trước linh cữu khóc than và tuyên thệ sẽ báo thù cho kỳ được, để đền ơn một bậc thầy, ngay thẳng, sáng suốt và công minh. Riêng Hòa-đao, lại nói thêm một câu nữa:

— Tiểu tướng nguyện sẽ bắt sống kẻ đã thủ mưu giết đại-vương, đem phanh thây nó ra làm trăm mảnh mới hả dạ!

Nhưng không ai để ý đến câu ấy. Ai nấy còn đang ngậm-ngùi vì thương xót, ngao-ngán vì mất kẻ chỉ huy.

Rồi đám ma xong, Ai nấy đều phải nén lại bên lòng nỗi nhớ thương để lo đến việc theo đuổi chí lớn của người vừa chết. Quân lính của vua Chương-Võ vẫn còn đóng lại giữ thành hợp với quân lính ở đấy mà giữ gìn đất nước, xong mọi công việc Chương-Võ Nguyễn-Nộn hiền họp tất cả các quan văn võ lại cùng với Đoàn Văn bàn về việc kế tiếp công cuộc cai trị miền Đông này, thì ai nấy đã đến đông đủ, ngồi yên chỗ cả, ngài đứng lên nói:

— Đông-hải vương mất đi là cái tang chung cho anh em ta, và để lại một mối thù chung anh em chúng ta phải gả, Nhưng không phải ngay bây giờ mà ta làm ngay được. Cho nên tôi muốn bàn với anh em thế này: Trước hết ta phải nghĩ đến người kế nghiệp của Vương tức là Đoàn-công-tử đây. Công-tử là một bậc kỳ-tài nhưng phải cái tính tình đa cảm, để công-tử nối nghiệp giữ thành này, tôi sợ không tiện. Công tử sẽ buồn nhớ tiên vương mà chán nản bết mọi việc thì hỏng cả. Chi bằng tôi nói với anh em để tôi rước công tử lên tạm nghỉ ở trên thành tôi, vừa xa nơi hình ảnh đau lòng, vừa gần phong cảnh nước non u-nhã, để Công-tử tạm khuây khỏa tới khi nào công-tử binh phục hẳn, đầy tinh thần chinh chiến, sôi nổi máu phục thù, lúc ấy ta lắng để công-tử về đây, các anh em nghĩ thế nào?

Ai nấy còn ngẫm-nghĩ chưa kịp nói, thì công-tử Hòa đao đã đứng phắt giậy xin thưa:

— Tâu điện hạ, tiểu-tướng thiết nghĩ thù giết cha là thù chẳng đội giời chung, công-tử phải ở lại đây để luôn luôn nhớ lấy mà lo toan cho hết đạo làm con, chứ đi lên chốn giang sơn của điện

hạ, non xanh nước biếc, cảnh đẹp người thuần, rồi mải vui thú quên đi mất.

— Chương-Võ tươi cười đáp lại:

— Cháng sĩ nói cũng có lẽ, nhưng chưa hợp tình, giá ở nơi khác kia thì thế thật. Đằng này non sông đất nước đều là của chung, mỗi bù kẻ nghịch tặc đều là thù chung của cả mọi người, ở đây cũng như ở đấy, lúc nào chúng ta cũng nghĩ trừ kẻ nghịch tặc, thì quên làm sao được. Vả cái đạo hiếu thứ nhất là giữ cho thân thể mình được lúc nào cũng khỏe mạnh nay để công-tử ở lại đây, cho công tử bồn rầu ốm đau mà thụ bịnh, có phải là cố chấp không?

Hỏa-đao chưa kịp đáp, thì một vị khác đã hỏi tranh:

— Nhưng còn quyền chỉ huy quân sĩ đứng trụ cho người khác noi theo? Nay Công-tử đi vắng thì mọi việc ấy bỏ chễ à? Một nước không thể một ngày không vua, vậy Công-tử không thể bỏ thành đi đâu được.

(Còn nữa)

CHU-THIÊN

Hộp thư

— ô. Chương Vũ — Hanoi — *Bài V. M. L. S. S. không đăng được — xin lỗi.*

— ô. Ng. Đình — Banméthuột — *Xin cứ gửi lập cảo luận « H. M. T. Đ. V. T. ». Đăng được sẽ có thơ ngài rõ — Xin lỗi trả lời chậm vì bận H. B.*

— ô. Trần N. Sán. Sơn Kiều — Vĩnh yên — *Mandat 6$50 đã nhận — 81-82 97 — Q. T. K. V. còn muốn mua, xin cho biết sẽ gửi lối lĩnh hóa giao ngân.*

— ô. Hoàng Đôn — 3160 — Banmé thuột — *3$ mua Quang Trung đã nhận — « Phong đao » chưa ra. « Ca dao tục ngữ » của Nguyễn văn Ngọc không thấy bán ở hiệu sách — Cám ơn. sách in xong sẽ gửi lối lĩnh hóa giao ngân*

— ô. Đỗ hoàng Lạn — Cao lãnh — *Bắt đầu 1er 1-1944 đã gửi tặng giải khuyến khích H. S. T. S.*

— ô. Âm Quang — Saigon — *Xin lỗi không thể chiều ông được vì trang in có hạn còn rành chỗ đăng cảo bài khác.*

— ô. Phan thanh Tài — Huế — *Nếu ngài trả trước 31 12 1943 mới được hưởng giá đặc biệt. Nay xin theo giá mới 18$ cho nhà báo đỡ thiệt. Mong ngài vui lòng ủng hộ cho tờ Tri Tân đứng vững trong lúc này.*

— ô. Ng. t. Ngọc Hưng Nhân — Thái bình — *Hai bài thơ có tính cách cá nhân. Rất tiếc không đăng được*

T. T.

MỘT BỘ SÁCH:

Cổ nhất Đông-Phương!

lạ nhất nhân - loại!

Nguồn gốc chỉ là một cái gạch ngang, rồi qua tay 4 vị Thánh nhân, cái gạch ngang ấy diễn thành một pho sách cực kỳ hùng-vĩ. Đó là bộ:

KINH DỊCH

mà người Việt-nam ta có lẽ không mấy người là không nghe thấy tên, nhưng chắc ít người biết rõ nội dung ra sao.

KINH DỊCH

là một bộ sách đã xuất-hiện trên một vạn năm, mà mấy trăm học-giả phương Đông theo gót nhau nghiên-cứu và chú-giải đến hai nghìn năm nay vẫn chưa hết nghĩa.

KINH DỊCH

thật là một pho sách uyên-thâm, huyền-diệu, bao quát tất cả các lẽ trong vũ-trụ.

Các bài thơ và kinh có in nguyên văn chữ Hán

Toàn bộ giấy trên dưới 2000 trang in luôn một lúc đóng làm 5 quyển

Sách đã bắt đầu in nhưng không bán lẻ từng cuốn

Sách in làm 3 hạng:

Hạng giấy thường	sẽ bán từ	20$00
Hạng lụa Đỏ	(đựng hộp bọc lụa)	50.00
Hạng Bạch Minh châu	(đựng hộp gấm)	150.00

Thêm cước gửi ngoài

Thư và ngân phiếu xin gửi về

Nhà in MAI-LĨNH Hanoi

HÀN-THUYÊN

71, Tiên Tsin — Hanoi

Giám Đốc

NGUYỄN XUÂN TÀI

Sắp có bán

CẬN ĐÔNG CỔ SỬ

của giáo-sư NGUYỄN-ĐỨC-QUỲNH

Giá 3$00

Miền cận đông giữ vai trò quan-trọng trên lịch sử thế giới — Muốn biết rõ lai lịch miền cận đông xin đọc Cận Đông Cổ Sử trong loại sách Tân Văn Hóa

HÀN THUYÊN

71 Tiên Tsin Hanoi

MỚI XUẤT BẢN

LE CAPITAINE ĐỖ HỮU VI
par S. E. PHẠM QUỲNH
Ministre de l'Intérieur,

Một cuốn sách hay của **thư-xã Alexandre de Rhodes**, dày 50 trang, khổ 12×18, có ba bức ảnh và bản dịch của **Nguyễn Tiến Lãng**. Pháp-văn và Việt-văn đối-chiếu.

Một áng văn kiệt-tác của cụ **Thượng Phạm**, mà trong thời buổi này, thanh niên Nam-Việt ai ai cũng nên ngâm đọc và suy-nghĩ.

Bản thường	0$50
Bản giấy tốt	3 00
Cước	0 32

Tổng phát hành
MAI-LĨNH
21, Rue des Pipes — Hanoi

Một quyển sách làm chấn động dư-luận:

LỊCH-SỬ ĐẠO THIÊN CHÚA Ở VIỆT-NAM

Xuất-bản dưới quyền Duyệt-Chính của cha L. Cadière và cụ Ứng-Hoè
Tựa của Đức Khâm-Mạng Tòa-Thánh ở Đông-Dương

Bản viết của Hồng-Lam — Chú giải của Cha L. Cadière

ĐÃ CÓ BÁN CÁC HIỆU SÁCH LỚN và ở
ĐẠI-VIỆT THIỆN-BẢN
50bis Avenue Khải-Định Huế

Mua sách xin gửi 8$00 tiền sách và 1$20 tiền gửi và tiền gói

Hai quyển sách trọn lọc in khổ lớn 21×18 trình bày rất công phu in giấy trên trăm trang, mỗi quyển 2$80, bản quý in trên giấy Hoàng-minh châu, Tường-vi, Giố lụa giá 25$00, sắp phát hành khắp Đông-dương.

LÃ GIA
Danh nhân chuyện
của HẢI-TRẦN

Thân thế và công nghiệp một vị lão thần nhà Triệu.
Một quãng sử vẻ vang và bi đát.
Một tâm trạng éo le thắc-mắc của một người thiết tha yêu nước thương dân.

MẸ TÔI
Sách đọc trong gia-đình
của NGUYỄN KHẮC-MẪN

Tặng tất cả những ai đã thiếu thốn sự âu-yếm nuông chiều. Đây không là lời văn mà là những rung động thành thực của một tâm hồn hiếu tử.
Có phụ thêm mấy truyện tâm-tình nhẹ nhàng và

ĐÓN COI
ẢNH THƯ ĐỜI MẠC của Chu-Thiên
THANH NIÊN CA lời ca và âm nhạc của Đào-Hợp
MÓN QUÀ TRẺ EM của bà Tương-Phố
ĐẠI HỌC THƯ XÃ
Giám đốc: Ái Lang NGUYỄN-TẾ-MỸ
50 Sinh-Từ — Hanoi

TỦ SÁCH « TÂN VĂN HÓA »

1·)	Nguyễn Du và Truyện Kiều	3$50
2·)	Nhân loại tiến hóa sử	1, 80
3·)	Gốc tích loài người	1, 80
4·)	Đời sống thái cổ	2, 20
5·)	Ai cập cổ sử	2, 50
6·)	Cận đông cổ sử	2, 50
7·)	Nguồn gốc văn minh	2, 20
8·)	Luân lý thực nghiệp	2, 50
9·)	Lê thánh Tông	3, 00
10·)	Ô, khoa học	2, 20
11·)	Triết học là gì	2, 50
12·)	Lý thường Kiệt	2, 50

Sắp phát hành
NGUYỄN-CÔNG-TRỨ
của NGUYỄN BÁCH KHOA
Giá 5$00

HÀN THUYÊN XUẤT BẢN CỤC
71 Tiên Tsin — Hanoi

REVUE TRI-TAN: Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général
Directeur gérant: Nguyễn-Tường-Phượng — Imp. Tri-Tân 95—97 Chanceaulme, Hanoi